

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẢI DƯƠNG

GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN: DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
NGÀNH/NGHỀ: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/QĐ-CDHD ngày 12 tháng 06 năm 2017 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Hải Dương*

Hải Dương, năm 20...

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình mô đun “Dịch vụ khách hàng” là tài liệu được biên soạn để phục vụ cho việc giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh ngành tài chính ngân hàng hệ cao đẳng. Tài liệu cung cấp những kiến thức cơ sở về: Các nghiệp vụ huy động vốn và nghiệp vụ tín dụng. Giáo trình được biên soạn theo chương trình mô đun “Dịch vụ khách hàng” ở hệ cao đẳng ngành Tài chính ngân hàng đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường thông qua. Giáo trình gồm 2 bài:

Bài 1: Nghiệp vụ huy động vốn - Trình bày hoạt động huy động vốn của NHTM và qua đó thấy được tầm quan trọng của nghiệp vụ huy động vốn, các nghiệp vụ huy động vốn, giải pháp tăng vốn của NHTM để thúc đẩy nền kinh tế

Bài 2: Nghiệp vụ tín dụng - Giới thiệu về các nghiệp vụ tín dụng theo các hình thức cấp tín dụng của ngân hàng thương mại từ đó đưa ra các ưu nhược điểm của từng nghiệp vụ, phân biệt được sự khác nhau giữa các hình thức cấp tín dụng. Ngoài ra, sinh viên cũng cần vận dụng được các nghiệp vụ này để giải quyết những tình huống thực tế trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng.

Giáo trình không những phục vụ cho việc giảng dạy, học tập mô đun “Dịch vụ khách hàng” mà còn là tài liệu tham khảo cho học sinh - sinh viên trong quá trình thực tập các mô đun của ngành Tài chính ngân hàng.

Mặc dù đã hết sức cố gắng, song do biên soạn lần đầu, giáo trình không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong đồng nghiệp và bạn đọc đóng góp ý kiến để giáo trình được hoàn thiện hơn.

Hải Dương, tháng 6 năm 2017

TÁC GIẢ

KHOA KINH TẾ

Mục lục

BÀI 1: NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN	12
1.1.Hình thức huy động vốn của NHTM	12
1.1.1. Tiền gửi	13
1.1.2. Tiền gửi tiết kiệm	14
1.1.3. Giấy tờ có giá	15
1.2.Thủ tục mở, đóng tài khoản tiền gửi	22
1.2.1. Tài khoản tiền gửi thanh toán.....	22
1.2.2. Tài khoản tiền gửi tiết kiệm	33
BÀI 2: NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG.....	37
2.1. Cho vay tiêu dùng.....	38
2.1.1. Cho vay từng lần.....	38
2.1.2. Cho vay trả góp	39
2.1.3.Cho vay tuần hoàn	40
2.2. Cho vay theo dự án đầu tư	40
2.2.1. Một số vấn đề cơ bản về dự án đầu tư.....	40
2.2.2. Quy trình cho vay theo dự án đầu tư	45
2.2.3.Thẩm định dự án đầu tư	49
2.3.Cho vay hợp vốn	50
2.3.1. Định nghĩa	50
2.3.2.Nguyên tắc tổ chức	51
2.3.3. Trường hợp áp dụng	53
2.3.4.Quy trình cho vay	54
2.4. Cho thuê tài chính.....	55
2.4.1. Định nghĩa	55
2.4.2.Các hình thức cho thuê tài chính.....	56
2.4.3.Các tài sản thuê.....	59
2.4.4. Điều kiện thuê tài chính	59

2.4.5. Một số nội dung trong hợp đồng cho thuê tài chính	59
2.4.6. Quy trình cho thuê tài chính.....	60

GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên mô đun: Dịch vụ khách hàng

Mã mô đun: MD 17

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ; (Lý thuyết:15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 115 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Sinh viên học ở kỳ 4, năm thứ 2. Sinh viên đã học xong các môn cơ sở như nguyên lý kế toán và một số mô đun chuyên môn.
- Tính chất: Nội dung mô đun này là các kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ huy động vốn và nghiệp vụ cho vay trong ngân hàng

II. Mục tiêu mô đun:

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

- Về kiến thức:

- + Nắm được quy trình mở tài khoản TGTT, TGTK cho khách hàng
- + Nắm được quy trình thực hiện cung ứng sản phẩm dịch vụ về tiền gửi và tiền vay cho khách hàng
- + Biết quản lý hồ sơ, cung cấp thông tin giao dịch cho khách hàng

- Về kỹ năng:

- + Thực hiện thủ tục mở tài khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng
- + Thực hiện thủ tục cung ứng sản phẩm dịch vụ về tiền gửi cho khách hàng
- + Quản lý, cung cấp thông tin giao dịch và thực hiện công việc khác có liên quan đến tiền gửi thanh toán của khách hàng theo quy định
- + Thực hiện các thủ tục, thao tác trên TCBS để giải ngân, phát hành bảo lãnh trong hạn mức tín dụng được duyệt khi có xác nhận tình trạng khách hàng của phòng/bộ phận kinh doanh.

- + Thực hiện các thủ tục về sản phẩm, dịch vụ tín dụng cho khách hàng
- + Quản lý hồ sơ và khoản cấp tín dụng đã được thực hiện của khách hàng

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Tuân thủ các quy định theo các văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục tiền gửi và tiền vay trong ngân hàng
- + Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
- + Có tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc độc lập
- + Có tinh thần hỗ trợ và hợp tác tốt
- + Có ý thức học tập nâng cao trình độ, tự rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn.
- + Cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực công việc cao.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1 : Nghiệp vụ huy động vốn 1.1. Hình thức huy động vốn của NHTM 1.2. Thủ tục mở, đóng TK TG	45	3	40	2
2	Bài 2: Nghiệp vụ tín dụng 2.1. Cho vay tiêu dùng 2.2. Cho vay theo dự án đầu tư 2.3. Cho vay hợp vốn 2.4. Cho thuê tài chính	90	12	75	3
	Cộng	135	15	115	5

3. Nội dung chi tiết:

Bài 1 : Nghiệp vụ huy động vốn

Thời gian: 52 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các hình thức huy động vốn

Nắm được quy trình, các bước cũng như thủ tục mở, đóng TKTG

Thực hiện các thao tác, quy trình mở đóng TKTG cho khách hàng

2. Nội dung chương:

1.1. Hình thức huy động vốn của NHTM

1.1.1. Tiền gửi

1.1.2. Tiền gửi tiết kiệm

1.1.3. Giấy tờ có giá

1.2. Thủ tục mở, đóng tài khoản tiền gửi

1.2.1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

1.2.2. Tài khoản tiền gửi tiết kiệm

Bài 2: Nghiệp vụ tín dụng

Thời gian: 41 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các hình thức cho vay đối với khách hàng

Hiểu rõ quy trình cấp tín dụng cho từng khách hàng

Thực hiện các thao tác, quy trình tín dụng cho từng khách hàng

2. Nội dung chương:

2.1. Cho vay tiêu dùng

2.1.1. Cho vay từng lần

2.1.2. Cho vay trả góp

2.1.3. Cho vay tuần hoàn

2.2. Cho vay theo dự án đầu tư

2.2.1. Một số vấn đề cơ bản về dự án đầu tư

2.2.2. Quy trình cho vay theo dự án đầu tư

2.2.3. Thẩm định dự án đầu tư

2.3. Cho vay hợp vốn

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Nguyên tắc tổ chức

2.3.3. Trường hợp áp dụng

2.3.4. Quy trình cho vay

2.4. Cho thuê tài chính

- 2.4.1. Định nghĩa
- 2.4.2. Các hình thức cho thuê tài chính
- 2.4.3. Các tài sản thuê
- 2.4.4. Điều kiện thuê tài chính
- 2.4.5. Một số nội dung trong hợp đồng cho thuê tài chính
- 2.4.6. Quy trình cho thuê tài chính

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa: 01 phòng học lý thuyết có trang bị bảng, phấn, bàn giáo viên và bàn ghế đủ cho 35 học viên.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy chiếu, đĩa, băng hình minh họa, máy in...
3. Học liệu: Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng và tài liệu phát tay cho học viên;
4. Các điều kiện khác: Một số văn bản quy định liên quan đến huy động vốn và cho vay tín dụng

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Nắm được các quy định, thao tác về nghiệp vụ huy động vốn và cho vay đối với từng khách hàng
- Kỹ năng: Thực hiện quy trình huy động vốn và cho vay đối với các khách hàng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Tuân thủ các quy định theo các văn bản quy phạm pháp luật về ngành tài chính ngân hàng; huy động vốn và cho vay
 - + Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
 - + Có tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc độc lập
 - + Có tinh thần hỗ trợ và hợp tác tốt
 - + Có ý thức học tập nâng cao trình độ, tự rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn.
 - + Có tinh thần cầu tiến

2. Phương pháp:

** Kiểm tra thường xuyên, định kỳ*

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá

trình học của học sinh theo từng mô đun cụ thể thông qua việc chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

- Kiểm tra đánh giá định kỳ được thực hiện tại thời điểm được quy định trong đề cương chi tiết của mô đun, có thể được thực hiện bằng bài kiểm tra viết có thời gian làm bài từ 30 đến 45 phút; làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

** Kiểm tra kết thúc mô đun*

- Tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành, thực tập và các yêu cầu của mô đun được quy định trong đề cương chi tiết của mô đun.

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Hình thức kiểm tra kết thúc mô đun là thực hiện bài kiểm tra kỹ năng tổng hợp, gồm kiến thức và kỹ năng thực hành một hoặc một số khâu công việc của nghề

- Thời gian làm bài kiểm tra kết thúc mô đun: 90 phút

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun Dịch vụ khách hàng được đưa vào giảng dạy trong chương trình đào tạo nghề tài chính ngân hàng hệ cao đẳng.

- Là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành đòi hỏi cẩn thận, trung thực, chính xác, tránh các trường hợp tính toán, phân tích nhầm lẫn hay sai sót.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

*** Đối với giảng viên:**

- Phải nắm vững mục tiêu đào tạo.

- Phải xác định rõ đối tượng đào tạo, nắm bắt tâm lý, nhu cầu của đối tượng đào tạo

- Phải xây dựng nội dung giảng dạy phù hợp với đối tượng đào tạo

- Giảng viên phải có trình độ chuyên môn tốt, có nghiệp vụ sư phạm và phải đạt mục tiêu, chất lượng dạy học lên hàng đầu.

- Với đặc thù bộ môn dịch vụ ngân hàng phải thường xuyên cập nhật nội dung chương trình cho phù hợp với sự phát triển của chuyên ngành, của xã hội.
- Có kế hoạch giảng dạy bộ môn một cách chi tiết, thống nhất.
- Thường xuyên dự giờ, thao giảng, nhất là các buổi hội thảo, xêmina để cập nhật thông tin, tài liệu, các văn bản chính sách liên quan tới hoạt động tín dụng.
- Đổi mới cách kiểm tra đánh giá, đẩy mạnh việc đánh giá dưới hình thức trắc nghiệm khách quan, đánh giá thông qua các bài tập lớn, các bài tập tình huống.
- GV cần phải có kế hoạch đi tập huấn và đi thực tế tại các ngân hàng để nâng cao kiến thức thực tiễn chuyên môn.

*** Đối với sinh viên:**

- Phải có động cơ học tập đúng đắn.
- Phải đổi mới phương pháp học tập của bản thân, đẩy mạnh công việc tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Tăng cường phương pháp học tập theo nhóm.
- Phải biết sử dụng nguồn tài liệu để học tập phát huy hết thế mạnh của các phương tiện thông tin nhất là Internet.
- Phải biết kết hợp kiến thức lý thuyết với kiến thức thực tế về lĩnh vực vay và cho vay.
- Phải phát huy tính sáng tạo trong việc học mô đun dịch vụ khách hàng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Về lý thuyết: Nắm vững được các công việc của nhân viên dịch vụ khách hàng trong vấn đề huy động vốn và cho vay
- + Về thực hành: Thường xuyên thực hành về làm các thủ tục tại các ngân hàng

4. Tài liệu tham khảo:

- Quyết định 1284/2002/QĐ – NHNH “*Quy chế mở và sử dụng tiền gửi tại các ngân hàng nhà nước và tổ chức tín dụng*” ngày 21/11/2002
- Bài giảng nghiệp vụ ngân hàng T.S Trần Thị Kỳ - Đại học Thành phố HCM
- Các Quyết định, thông tư hướng dẫn liên quan đến hoạt động huy động vốn và cho vay
- Các tài liệu trang web của các ngân hàng....

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

BÀI 1: NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN

Giới thiệu: Nội dung chính của bài học hướng đến hình thành năng lực cho người học nhận biết được các hình thức huy động vốn hiện nay đang áp dụng trong các tổ chức tín dụng. Nắm được các thủ tục mở, đóng tài khoản tiền gửi và tiền gửi tiết kiệm.

Bao gồm các nội dung:

- + Huy động vốn bằng hình thức tiền gửi thanh toán
- + Huy động vốn bằng hình thức tiền gửi tiết kiệm

Mục tiêu

- Xác định được nội dung của từng hình thức huy động vốn
- Quy trình, thủ tục mở đóng tài khoản

Nội dung chính

1.1. Hình thức huy động vốn của NHTM

1.1.1. Tiền gửi

1.1.2. Tiền gửi tiết kiệm

1.1.3. Giấy tờ có giá

1.2. Thủ tục mở, đóng tài khoản tiền gửi

1.2.1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

1.2.2. Tài khoản tiền gửi tiết kiệm

1.1.Hình thức huy động vốn của NHTM

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ yếu và quan trọng nhất của NHTM. Hoạt động này mang lại nguồn vốn để NH có thể thực hiện các hoạt động khác như cấp tín dụng và cung cấp các dịch vụ NH cho khách hàng. Nhìn vào bảng cân đối tài sản của NHTM chúng ta thấy rằng nghiệp vụ huy động vốn được phản ánh vào tài sản bên nợ. Do đó huy động vốn còn được gọi là nghiệp vụ tài sản nợ.

Theo quy định của pháp luật thì NHTM được huy động vốn dưới các hình thức sau đây:

- Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức gửi tiền không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.

- Phát hành chứng chỉ tiền gửi , trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được thống đốc NHNN cho phép.

- Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của luật NHNN Việt Nam

1.1.1. Tiền gửi

** Đối tượng khách hàng và tình huống sử dụng*

Tiền gửi thanh toán là hình thức huy động vốn của NHTM bằng cách mở cho khách hàng tài khoản gọi là tài khoản tiền gửi thanh toán. Tài khoản này mở cho các đối tượng khách hàng, cá nhân hoặc tổ chức, có nhu cầu thực hiện thanh toán qua NH.

Để thực hiện nghiệp vụ thanh toán này, đòi hỏi khách hàng phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán ở NH. Số dư có trên tài khoản thanh toán của khách hàng có thể hình thành từ hai nguồn: (1) do khách hàng nộp tiền mặt vào. (2) do khách hàng nhận tiền chuyển khoản từ các đơn vị khác. Số dư này nhằm duy trì khả năng thanh toán và chi trả của khách hàng ở bất cứ thời điểm nào.

Tuy nhiên không phải lúc nào khách hàng cũng sử dụng số dư này, do vậy số dư này nhàn rỗi tạm thời cho đến khi được huy động vào thanh toán. Những lúc tạm thời nhàn rỗi này, số dư tài khoản thanh toán trở thành nguồn vốn của NH. Do đó NH có thể sử dụng cho hoạt động của mình. Mặt khác, tài khoản tiền gửi là loại tài khoản không kỳ hạn, khách hàng có thể rút bất cứ lúc nào mà không cần báo trước cho NH nên NH rất khó có kế hoạch việc sử dụng nguồn tiền gửi này. Do đó đối với loại tiền gửi này NH trả lãi suất rất thấp, thậm chí không trả lãi suất cho khách hàng. Do không được trả lãi cao, nên khách hàng không duy trì số dư tài khoản nhiều, chỉ đủ chi trả cho nhu cầu hàng ngày. Mặc dù số dư không lớn nhưng với số tài khoản lớn nên tổng số vốn huy động qua tiền gửi thanh toán của tất cả các khách hàng trở nên đáng kể.

** Tính lãi tiền gửi thanh toán*

Tùy vào điều kiện của từng nước để tính lãi tiền gửi thanh toán. Thông thường ở các nước phát triển không có lãi tiền gửi thanh toán do mục đích chính của việc gửi tiền là

dùng để thanh toán chứ không phải dùng để sinh lời. Ở Việt Nam lãi suất của tiền gửi thanh toán vẫn có nhưng rất thấp, khoảng từ 0.2 – 0.5%/ 1 tháng.

1.1.2. Tiền gửi tiết kiệm

** Tiết kiệm không kỳ hạn*

Sản phẩm tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn được thiết kế dành cho đối tượng khách hàng cá nhân hoặc tổ chức có tiền tạm thời nhàn rỗi muốn gửi NH vì mục tiêu an toàn và sinh lời nhưng không thiết lập được kế hoạch sử dụng tiền trong tương lai. Đối với khách hàng khi lựa chọn hình thức gửi tiền này thì mục tiêu an toàn và tiện lợi quan trọng hơn mục tiêu sinh lời. Đối với NH, vì loại tiền gửi này NH muốn rút ra bất cứ lúc nào cũng được nên NH phải đảm bảo tồn quỹ để chi trả và khó lên kế hoạch sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng. Do đó lãi suất của loại tiền gửi này là rất thấp.

- Thủ tục mở sổ tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn rất đơn giản. Chỉ cần khách điền bất cứ chi nhánh nào của NH điền vào mẫu giấy đề nghị gửi tiết kiệm không kỳ hạn có kèm theo chứng minh nhân dân và chữ ký mẫu. Nhân viên sẽ hoàn tất thủ tục nhận tiền và cấp sổ tiền gửi ngay cho khách hàng.

- Với sổ tiết kiệm không kỳ hạn, khách hàng có thể gửi tiền và rút tiền ra bất cứ lúc nào trong giờ giao dịch, Tuy nhiên, khác với hình thức tài khoản tiền gửi thanh toán, mỗi lần giao dịch khách hàng phải xuất trình sổ tiền gửi và chỉ có thể thực hiện giao dịch ngân quỹ như là gửi tiền và rút tiền chứ không thể thực hiện được các giao dịch thanh toán.

Mặc dù số dư tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng thường không lớn do lãi suất thấp nhưng nếu NH thu hút được số lượng khách hàng khá lớn thì tổng khối lượng vốn huy động qua hình thức tiền gửi này có thể trở nên lớn đáng kể.

** Tiết kiệm định kỳ*

- Khác với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm định kỳ được thiết kế dành cho khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu gửi tiền vì mục tiêu an toàn, sinh lợi và thiết lập được kế hoạch sử dụng tiền trong tương lai.

- Đối tượng khách hàng chủ yếu của loại tiền gửi này là các cá nhân muốn có thu nhập ổn định và thường xuyên, đáp ứng nhu cầu chi tiêu hàng tháng hoặc hàng quý. Mục tiêu quan trọng khi gửi tiền loại này là lợi tức có được theo định kỳ. Do vậy lãi suất đóng vai

trò quan trọng để thu hút được đối tượng khách hàng này. Dĩ nhiên lãi suất trả cho tiền gửi tiết kiệm định kỳ cao hơn không kỳ hạn. Ngoài ra mức lãi suất còn thay đổi tùy theo loại kỳ hạn gửi, tùy theo loại đồng tiền gửi tiết kiệm và tùy theo uy tín và rủi ro của NH nhận tiền gửi.

- Về thủ tục mở sổ, theo dõi hoạt động và tính lãi suất như tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn. Nhưn khác nhau ở chỗ khách hàng chỉ được rút tiền gửi theo đúng kỳ hạn, không được phép rút trước thời hạn. Tuy nhiên để khuyến khích và thu hút khách hàng gửi tiền đôi khi NH cho phép khách hàng được rút trước kỳ hạn nếu có nhu cầu, nhưng khi đó khách hàng bị mất tiền gửi hoặc chỉ được trả lãi suất không kỳ hạn.

- Tiền gửi có kỳ hạn có thể được chia làm nhiều loại. Căn cứ vào thời hạn có thể chia thành kỳ hạn 1, 2, 3,12, 13 hoặc lâu hơn đến 36 tháng. Căn cứ vào phương thức trả lãi có thể chia thành:

- + Tiền gửi kỳ hạn lĩnh lãi đầu kỳ.
- + Tiền gửi kỳ hạn lĩnh lãi cuối kỳ.
- + Tiền gửi kỳ hạn lĩnh lãi định kỳ

Với việc phân chia tiền gửi kỳ hạn thành nhiều loại khác nhau làm cho sản phẩm tiền gửi của NH trở nên đa dạng và phong phú có thể đáp ứng được nhu cầu gửi tiền đa dạng của khách hàng.

**Các loại tiết kiệm khác*

Ngoài hai loại gửi tiết kiệm chính là tiết kiệm không kỳ hạn và tiết kiệm định kỳ, hầu hết các NHTM đều thiết kế những loại tiền gửi tiết kiệm khác như tiết kiệm tiện ích, tiết kiệm có thưởng, tiết kiệm an khang... với nét đặc trưng riêng nhằm làm cho sản phẩm của mình luôn được đổi mới theo nhu cầu khách hàng và tạo ra rào cản dị biệt để chống lại sự bất chước của các đối thủ cạnh tranh.

1.1.3. Giấy tờ có giá

Trong NHTM, việc huy động vốn thường giao cho phòng nguồn vốn, trong đó có thể chia ra thành hai bộ phận: Huy động vốn ngắn hạn và huy động vốn dài hạn.

a. Huy động vốn ngắn hạn qua phát hành các loại giấy tờ có giá

- *Xác định khách hàng tiềm năng*

Huy động vốn qua các loại giấy tờ có giá có nghĩa là nhân viên NH thay mặt NH bán các loại giấy tờ có giá cho khách hàng. Điều này đòi hỏi bạn nhân viên phải biết cách xác định các khách hàng tiềm năng là ai? Hay ai sẽ là người có thể mua sản phẩm của mình.

Xác định khách hàng tiềm năng là xác định xem ai có khả năng và nhu cầu mua các loại giấy tờ có giá do NH phát hành. Khách hàng tiềm năng trong trường hợp này là các nhà đầu tư ngắn hạn., những người có tiền tệ tạm thời nhàn rỗi cần đầu tư sinh lợi, nhưng phải đảm bảo mục tiêu thanh khoản. Các nhà đầu tư ngắn hạn có thể được nhìn dưới hai dạng:

- + Các nhà đầu tư tổ chức bao gồm các doanh nghiệp, các công ty bảo hiểm, các loại quỹ và các tổ chức khác.

- + Các nhà đầu tư cá nhân như các ca sỹ, cầu thủ bóng đá, người nghỉ hưu, nhân viên làm việc hưởng lương....vừa nhận được thu nhập nhưng tạm thời chưa sử dụng đến.

Các khoản thu nhập của họ tạm thời nhàn rỗi cho đến khi được sử dụng, do vậy họ có nhu cầu đầu tư ngắn hạn. Đây là một dạng khách hàng tiềm năng

➤ *Đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn*

Để huy động vốn ngắn hạn, các tổ chức tín dụng có thể phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn. Giấy tờ có giá ngắn hạn là giấy tờ có giá có thời hạn dưới 12 tháng, bao gồm kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, tín phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác. Muốn phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn, NHTM phải lập hồ sơ đề nghị phát hành. Nội dung đề nghị phát hành bao gồm:

- + Đề nghị phát hành giấy tờ có giá trong năm tài chính.

- + Kế hoạch phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn trong đó nêu rõ mục đích phát hành, phương án sử dụng, tổng số giấy tờ có giá ngắn hạn năm tài chính, tổng mệnh giá phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn trong năm tài chính, số đợt và thời điểm dự kiến phát hành, tên gọi giấy tờ có giá và đồng tiền phát hành.

- + Các báo cáo tài chính của hai năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm đề nghị phát hành.

- + Kế hoạch kinh doanh trong năm tài chính.

- + Điều lệ và giấy phép hoạt động (đối với NH tổ chức phát hành lần đầu)

- + Các thay đổi về bộ máy tổ chức và các thay đổi khác nếu có.

➤ *Thông báo phát hành giấy tờ có giá*

Sau khi được xem xét và phê duyệt đề nghị phát hành, NHTM sẽ ra thông báo phát hành. Nội dung thông báo phát hành gồm:

- + Tên tổ chức phát hành.
- + Tên gọi giấy tờ có giá (tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi,..).
- + Tổng mệnh giá của đợt phát hành.
- + Ngày phát hành.
- + Thời hạn của giấy tờ có giá.
- + Ngày đến hạn thanh toán.
- + Lãi suất, phương thức trả lãi, thời điểm và địa điểm trả lãi.
- + Phương thức hoàn trả và địa điểm trả tiền gốc của giấy tờ có giá.

Thông báo phát hành được công bố rộng rãi ra công chúng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền hình, phát thanh, báo chí. Việc thông báo phát hành giấy tờ có giá đến công chúng một mặt là do tính chất pháp lý đối với đợt phát hành, mặt khác là điều cần thiết để đưa thông tin về đợt phát hành đến với khách hàng tiềm năng.

➤ *Phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và huy động tiền gửi ngắn hạn*

Như đã biết NHTM có thể huy động vốn ngắn hạn thông qua tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm. Tại sao phải huy động vốn ngắn hạn thông qua các loại giấy tờ có giá? Điều này trước hết xuất phát từ nhu cầu đầu tư ngắn hạn của các nhà đầu tư khác nhau nên cần có nhiều hình thức khác nhau để thu hút. Tiếp đến là do tập quán và trình độ phát triển của thị trường vốn ngắn hạn cụ thể như:

+ Huy động tiền gửi tiết kiệm thích hợp ở những nước có thị trường tiền tệ chưa phát triển

+ Ở những nước có thị trường tiền tệ phát triển , giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao hơn tiền gửi tiết kiệm, trong khi ở những nước thị trường kém phát triển thì ngược lại

Ở Việt Nam từ trước đến nay tất cả các NHTM đều huy động vốn ngắn hạn thông qua hình thức tiền gửi và tiết kiệm, chỉ có vài NH như Incombank và Vietcombank có huy động vốn ngắn hạn qua phát hành các loại giấy tờ có giá. Điều này là thói quen của cả hai phía, NH và khách hàng, thích hình thức huy động vốn truyền thống hơn là phát triển các hình thức huy động vốn mới. Mặt khác do thị trường tiền tệ Việt Nam kém phát triển nên

việc huy động vốn thông qua giấy tờ có giá thường có chi phí cao hơn là huy động tiền gửi. Nhà đầu tư dễ chấp nhận gửi tiền với lãi suất thấp hơn là mua chứng chỉ tiền gửi hay kì phiếu vì họ kỳ vọng tiền gửi có tính thanh khoản cao hơn và có mức độ an toàn hơn là các loại giấy tờ có giá.

➤ *Huy động vốn ngắn hạn thông qua phát hành kỳ phiếu*

Kỳ phiếu là một loại giấy tờ có giá do NH phát hành để huy động vốn ngắn hạn, trong đó NH sẽ cam kết trả lãi được hưởng và vốn gốc cho nhà đầu tư khi kỳ phiếu đến hạn. Thời gian qua Vietcombank đã có và thường xuyên phát hành kỳ phiếu để huy động vốn ngắn hạn.

➤ *Huy động vốn ngắn hạn thông qua phát hành chứng chỉ tiền gửi.*

Ngoài kỳ phiếu, các NHTM còn phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn ngắn hạn. Ở Việt Nam thời gian qua, các NHTM cổ phần ít khi huy động vốn ngắn hạn này. Trong khi đó các NHNN thì sử dụng thường xuyên hơn.

• *Cách tính lãi đối với giấy tờ có giá*

Giấy tờ có giá ngắn hạn có nhiều loại khác nhau, nhưng cách tính lãi tương tự nhau. Do đó ở đây trình bày cách tính lãi cho kỳ phiếu như một ví dụ điển hình. Khi phát hành kỳ phiếu cho khách hàng, NHTM cam kết trả gốc khi kỳ phiếu đến hạn còn cam kết trả lãi tính trên mệnh giá của kỳ phiếu. NHTM có thể thỏa thuận với khách hàng sử dụng một trong các phương thức trả lãi sau đây:

+ Trả lãi sau: Theo phương thức này NHTM xác định và trả lãi kỳ phiếu một lần vào thời điểm đáo hạn hay thời điểm thanh toán kỳ phiếu.

+ Trả lãi trước : Theo phương thức này NHTM xác định và trả một lần tại thời điểm phát hành. Trong trường hợp này kỳ phiếu được bán ở giá chiết khấu tức là bán ở giá thấp hơn so với mệnh giá và lãi của kỳ phiếu chính là số tiền chênh lệch giữa mệnh giá và giá bán kỳ phiếu.

+ Trả lãi định kỳ: Theo phương thức này, NHTM xác định và trả lãi kỳ phiếu theo từng định kỳ cho người sở hữu kỳ phiếu. Định kỳ trả lãi thường áp dụng theo tháng.

b. Huy động vốn trung và dài hạn qua phát hành giấy tờ có giá

Muốn huy động vốn trung và dài hạn các NHTM có thể phát hành trái phiếu và cổ phiếu. Trái phiếu do NH phát hành có thể được xem là một loại trái phiếu công ty. So với

chính phủ, trái phiếu NH rủi ro hơn nên chi phí huy động vốn cao hơn so với trái phiếu Chính Phủ hay trái phiếu khi bạc. Ở Việt Nam thời gian qua, các NHTM quốc doanh đều có phát hành trái phiếu để huy động vốn dài hạn, trong khi đó các NHTM cổ phần chủ yếu phát hành cổ phiếu để tăng vốn. Tuy nhiên gần đây một số NH đã bắt đầu chuyển sang phát hành trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu chuyển đổi, đặc biệt là trái phiếu chuyển đổi để huy động vốn dài hạn.

Muốn phát hành giấy tờ có giá để huy động vốn dài hạn cần có những hiểu biết về các công việc sau:

❖ *Xác định khách hàng tiềm năng*

Là xác định xem ai là người có nhu cầu và khả năng mua các loại giấy tờ có giá dài hạn do NH phát hành. Khách hàng tiềm năng trong trường hợp này là các nhà đầu tư dài hạn, những người có tiền tệ rồi cần đầu tư sinh lợi trong thời gian dài. Với những nhà đầu tư này, họ tạm thời gác lại việc sử dụng tiền cho nhu cầu tiêu dùng để đầu tư nhằm được tiêu dùng cao hơn trong tương lai. Các nhà đầu tư này nhìn chung có thể được chia làm hai nhóm:

+ Các nhà đầu tư tổ chức bao gồm các doanh nghiệp, các công ty bảo hiểm, các loại quỹ đầu tư và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

+ Các nhà đầu tư cá nhân có thu nhập vượt quá nhu cầu chi tiêu, do đó có nhu cầu tích lũy dài hạn.

Để huy động vốn dài hạn, các NHTM cũng tiến hành lập đề nghị phát hành trình lên NHNN xem xét phê duyệt, sau đó thông báo phát hành rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tất cả các thủ tục này được thực hiện tương tự như phát hành giấy tờ

❖ *Huy động vốn dài hạn bằng phát hành trái phiếu*

Với nhu cầu dài hạn lên đến 10, 15, hay 20 năm, rõ ràng các NHTM không thể phát hành các loại giấy tờ có giá ngắn hạn được. Trong trường hợp này NH có thể phát hành trái phiếu. Trái phiếu NHTM có thể xem là một loại trái phiếu công ty. Nó là giấy chứng nhận nợ do các NHTM phát hành để huy động vốn dài hạn, theo đó các NH cam kết trả lãi và gốc cho các nhà đầu tư mua trái phiếu.

Bằng việc phát hành trái phiếu bán cho nhà đầu tư, NHTM thu về được một khối lượng nguồn vốn dài hạn dưới hình thức vay nợ. Như vậy khi phát hành trái phiếu, nguồn vốn

hoạt động của NHTM tăng lên. Tuy nhiên phát hành trái phiếu không làm tăng vốn chủ sở hữu mà chỉ làm cho nợ dài hạn của NH tăng lên.

❖ *Huy động vốn dài hạn bằng phát hành trái phiếu chuyển đổi.*

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu mà tổ chức phát hành bán cho các nhà đầu tư, trong đó có thỏa thuận đến một thời điểm nào đó sau khi phát hành, các nhà đầu tư có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu theo một tỷ lệ nào đó.

Loại trái phiếu này được xem như là một dạng chứng khoán lai do vừa có tính chất của chứng khoán nợ, đồng thời vừa có tính chất của một chứng khoán vốn. Nó phổ biến ở các nước có thị trường tiền tệ phát triển nhưng chưa được phổ biến lắm ở Việt Nam. Tuy nhiên trong những năm gần đây một số NH đã bắt đầu phát hành trái phiếu chuyển đổi như NH ACB, Sài Gòn bank.

❖ *Huy động vốn dài hạn bằng việc phát hành cổ phiếu*

Cổ phiếu nói chung là chứng nhận đầu tư vào công ty cổ phần. Các NHTM cổ phần cũng là một dạng công ty cổ phần, do đó có thể phát hành cổ phiếu để huy động vốn. Có nhiều cách phân loại cổ phiếu thành nhiều loại cổ phiếu khác nhau. Nhưng có hai cách phân loại sau thường gặp.

- Cổ phiếu vô danh và cổ phiếu ký danh : Cổ phiếu vô danh là loại cổ phiếu không ghi tên người chủ sở hữu trên cổ phiếu. Loại cổ phiếu này dễ giao dịch trên thị trường hơn do không phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu. Cổ phiếu ký danh là cổ phiếu có ghi tên người chủ sở hữu trên cổ phiếu . Loại cổ phiếu này muốn chuyển nhượng phải được sự đồng ý của hội đồng quản trị.
- Phân loại thành cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi. Cả hai loại cổ phiếu này đều là giấy chứng nhận quyền sở hữu một phần của công ty. Tuy nhiên nó có sự khác biệt nhau về quyền được chia cổ tức ưu tiên và quyền được chia tài sản ưu tiên trong trường hợp công ty bị thanh lý.

Để huy động và tăng vốn chủ sở hữu , NHTM có thể xem xét phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông cũ, cổ đông mới và kể cả bán cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài . Theo quy định thì nhà đầu tư nước ngoài không được sở hữu quá 15% vốn điều lệ của NHTM Việt Nam. Nhưng trong một số trường hợp đặc biệt, nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ nhưng không được vượt quá 20%.

Khác với phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu làm tăng vốn chủ sở hữu cho NHTM

❖ *Xác định chi phí huy động vốn dài hạn của NHTM*

Đứng trên góc độ NHTM, việc xác định chi phí huy động vốn dài hạn qua phát hành giấy tờ có giá rất quan trọng vì nó tác động đến quyết định xem NHTM nên huy động vốn bằng hình thức nào? Cụ thể NHTM cần quyết định:

- + Nên huy động tiền gửi hay phát hành giấy tờ có giá.
- + Nên phát hành trái phiếu hay cổ phiếu?
- + Nên phát hành trái phiếu hay trái phiếu chuyển đổi?
- + Nên phát hành cổ phiếu phổ thông hay cổ phiếu ưu đãi.

Giải quyết vấn đề này đòi hỏi NHTM phải phân tích ưu nhược điểm của từng phương pháp huy động vốn. Ngoài ra một điều hết sức quan trọng cần chú ý là xác định chi phí của từng phương án huy động vốn.

- Chi phí huy động vốn trái phiếu: Khi phát hành trái phiếu huy động vốn, nhìn chung NHTM phải chịu hai loại chi phí : (1) Chi phí phát hành và (2) chi phí trả lãi cho nhà đầu tư. Chi phí phát hành là tất cả chi phí liên quan cần chi ra cho đợt phát hành như: xin phép phát hành, thông báo phát hành, mời giới và bảo lãnh phát hành.

Chi phí trả lãi cho nhà đầu tư là toàn bộ tiền lãi NHTM phải chi trả cho việc huy động và sử dụng vốn của nhà đầu tư. Thông thường chi phí trả lãi bằng mệnh giá trái phiếu nhân với lãi suất trái phiếu được công bố và NHTM phải trả lãi cho nhà đầu tư theo một trong ba hình thức: Trả lãi trước, trả lãi sau và trả lãi theo định kỳ. Thường thì chi phí huy động vốn bằng trái phiếu được so sánh với lãi suất huy động tiền gửi hoặc tiết kiệm nên khi xác định chi phí huy động vốn chúng ta cần xác định xem NHTM tốn bao nhiêu phần trăm cho việc huy động vốn chứ không phải tốn bao nhiêu cho việc huy động vốn.

- Chi phí huy động vốn bằng cổ phiếu: Trong trường hợp NHTM phát hành cổ phiếu huy động vốn , chi phí huy động vốn thường bao gồm chi phí phát hành và cổ tức hàng năm phải trả cho cổ đông để được sử dụng vốn của họ. Tuy nhiên do cổ phiếu không có đáo hạn và cổ tức không cố định nên cách xác định chi phí huy động vốn trong trường hợp này thường rất phức tạp.

❖ *Huy động vốn từ các tổ chức tín dụng khác và từ NHNN*

Nhìn vào bên nguồn vốn của bảng cân đối tài sản, chúng ta có thể thấy NHTM có một bộ phận vốn huy động từ các tổ chức tín dụng khác và bộ phận vốn vay từ NHNN. Các tổ chức tín dụng khác trong khi tham gia hệ thống thanh toán có thể mở tài khoản ở NHTM. Qua tài khoản này NHTM có thể huy động vốn giống như đối với các tổ chức kinh tế bình thường. Ngoài các tổ chức tín dụng, NHNN cũng có thể là nơi cung cấp vốn cho NHTM dưới hình thức cho vay.

1.2. Thủ tục mở, đóng tài khoản tiền gửi

1.2.1. Tài khoản tiền gửi thanh toán

✓ *Phạm vi áp dụng:*

- Thủ tục mở và sử dụng tài khoản tiền gửi (tiền gửi thanh toán) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng tại ngân hàng
- Việc mở và sử dụng tài khoản khác như tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản Sec bảo chi, tài khoản chuyển tiền, tài khoản tiền vay,.....) thực hiện như các quy định hiện hành.
- Việc mở và sử dụng tiền gửi đồng Việt Nam và ngoại tệ của người không cư trú và người cư trú phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà Nước về quản lý ngoại hối.

❖ Mở tài khoản tiền gửi

➤ Đối tượng mở tài khoản tiền gửi: NH mở tài khoản tiền gửi cho các đối tượng sau:

- a. Cá nhân là công dân Việt Nam có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự, cá nhân người nước ngoài có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật nước ngoài mà người đó là công dân (điều 831 Bộ luật dân sự).

Đối với người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; thủ tục mở và sử dụng tài khoản tiền gửi phải thực hiện thông qua người giám hộ, người đại diện theo pháp luật.

- b. Tổ chức Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật nước mà tổ chức đó được thành lập.

- c. Kho bạc nhà nước đặt trụ sở ở huyện, thị xã không phải là tỉnh lỵ nhưng phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

➤ **Hình thức mở tài khoản tiền gửi:**

- Tài khoản tiền gửi là tài khoản thanh toán do người sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại NH với mục đích gửi, giữ tiền hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán qua NH bằng các phương tiện thanh toán. Tùy theo từng đối tượng khách hàng, tài khoản tiền gửi có thể mở dưới các hình thức sau đây:
- Tài khoản tiền gửi của tổ chức: là tài khoản mà chủ tài khoản là người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản.
- Tài khoản tiền gửi của các đồng chủ tài khoản: là tài khoản có ít nhất hai người trở lên cùng đứng tên mở tài khoản. Đồng chủ tài khoản có thể là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của Tổ chức.
- Tài khoản tiền gửi của cá nhân: là tài khoản mà chủ tài khoản là một cá nhân độc lập đứng tên mở tài khoản.
- Số dư trên tài khoản tiền gửi có thể là số dư không kỳ hạn hoặc số dư có kỳ hạn. Việc chuyển đổi số dư từ không kỳ hạn sang có kỳ hạn và ngược lại hoặc sử dụng khác kỳ hạn đã thỏa thuận thực hiện theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo yêu cầu của NH.

➤ **Hồ sơ mở tài khoản tiền gửi:**

- Đối với tổ chức: gồm các giấy tờ chính sau:
- Giấy đề nghị mở tài khoản:
- Lập theo mẫu do NH quy định, do chủ tài khoản ký tên đóng dấu.
- Chủ tài khoản phải là Tổng Giám đốc, Giám đốc, Chủ doanh nghiệp, Thủ trưởng đơn vị.
- Các giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập theo quy định của Pháp luật:
- Đối với doanh nghiệp nhà nước, tổ chức hoạt động kinh doanh:
- Quyết định thành lập đơn vị của cấp có thẩm quyền.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận cấp mã số thuế.

- Đối với NH thương mại:
 - Giấy phép thành lập NH thương mại do NH Nhà nước cấp.
 - Giấy chứng nhận cấp mã số thuế.
 - Đối với Hợp tác xã:
 - + Quyết định thành lập Hợp tác xã
 - + Giấy đăng ký kinh doanh
 - + Giấy chứng nhận cấp mã số thuế
 - Đối với công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch Đầu tư ký.
 - + Giấy chứng nhận cấp mã số thuế.
 - Đối với đơn vị vũ trang, cơ quan đoàn thể:
 - Quyết định thành lập đơn vị
 - Đối với doanh nghiệp tư nhân, cơ sở, cửa hàng:
 - Giấy đăng ký kinh doanh.
 - Đối với doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
 - + Giấy phép đầu tư còn thời hạn do cấp có thẩm quyền của Việt Nam cấp.
- *Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của chủ tài khoản:*
- Đối với doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức đoàn thể:
 - Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Giám đốc, thủ trưởng đơn vị.
 - Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc trưởng phòng kế toán của đơn vị.
 - Đối với NH thương mại:
 - Quyết định bổ nhiệm hoặc chuẩn y Tổng Giám đốc/ Giám đốc của NH nhà nước.
 - Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng/Trưởng phòng kế toán.
 - Đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh:
 - Quyết định bổ nhiệm hoặc công nhận người đại diện theo pháp luật đối với doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền.(người này phải là người có tên trong điều lệ công ty và có tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

Với công ty hợp danh là văn bản công nhận người đại diện theo pháp luật có đầy đủ chữ ký và dấu xác nhận của tất cả các thành viên hợp danh.

- Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng theo quy định hiện hành.

- Đối với doanh nghiệp tư nhân, cơ sở, cửa hàng, tổ hợp, Hợp tác xã:

- Giấy chứng minh chủ DNTN, tổ hợp, HTX, cơ sở, cửa hàng.

Nếu chủ doanh nghiệp thuê người khác làm Giám đốc quản lý doanh nghiệp thì phải có văn bản ủy quyền cho Chủ tài khoản theo quy định hiện hành.

- Giấy bổ nhiệm kế toán trưởng (nếu có)

- Đối với các đơn vị vũ trang:

- Quyết định bổ nhiệm Thủ trưởng đơn vị.

- Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng (nếu có)

- Đối với doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài:

- Quyết định công nhận người đại diện theo pháp luật của cấp có thẩm quyền.

- Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng của hội đồng quản trị hoặc cấp có thẩm quyền.

- Đối với đồng chủ tài khoản gồm các giấy tờ chính sau:

- + Giấy đề nghị mở tài khoản đồng sở hữu.

- + Các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đại diện cho Tổ chức tham gia đồng sở hữu – quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản cử người làm Kế toán trưởng (nếu có theo quy định).

- + Văn bản thỏa thuận (hợp đồng) quản lý và sử dụng tài khoản chung của các đồng chủ tài khoản.

- Đối với cá nhân: gồm các giấy tờ chính sau:

- Giấy đề nghị mở tài khoản.

- Giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh quân đội, giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc hộ chiếu (còn thời hạn, hiệu lực).

- Các giấy tờ chứng minh tư cách của người đại diện, người giám hộ hợp pháp nếu người mở tài khoản cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Các quy định khác:

- Các giấy tờ trong bộ hồ sơ mở tài khoản là bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan cấp bản chính hoặc công chứng.
- Giấy chứng minh nhân dân phải xuất trình bản chính để đối chiếu với bản sao.
- Trong trường hợp có sự thay đổi các yếu tố trong hồ sơ mở tài khoản dẫn đến sự thay đổi mẫu chữ ký hoặc thay đổi mẫu dấu thì chủ tài khoản phải gửi đến NHNA nơi mở tài khoản:
 - Quyết định của người được thay thế.
 - Bảng đăng ký mẫu chữ ký của người được thay thế có ghi ngày bắt đầu hiệu lực.
 - Quyết định đổi mẫu dấu.
 - Bảng đăng ký mẫu dấu mới và ngày bắt đầu hiệu lực.
 - Giấy đề nghị mở tài khoản: (theo mẫu của NHNA)
 - Tiếp nhận và xử lý hồ sơ mở tài khoản:
 - Khi nhận được hồ sơ mở tài khoản, NH có trách nhiệm kiểm tra và đối chiếu các giấy tờ và yếu tố đã kê khai trong hồ sơ mở tài khoản đủ theo quy định.
 - NH giải quyết mở tài khoản cho khách hàng ngay trong ngày làm việc:
 - * Nếu chấp nhận yêu cầu mở tài khoản của khách hàng, NH giao cho khách hàng : “Thông báo chấp thuận mở tài khoản” với các nội dung về tài khoản được mở và ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản. Hướng dẫn khách hàng nộp số tiền tối thiểu để mở tài khoản.
 - * Trong trường hợp từ chối yêu cầu mở tài khoản, NH phải nêu rõ lý do để khách hàng biết.

❖ Sử dụng tài khoản:

- Việc sử dụng tài khoản được thực hiện theo hướng dẫn của NH Nhà nước, các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, yêu cầu của chủ tài khoản.
- Sử dụng tài khoản của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế hành vi dân sự.
- Người giám hộ, người đại diện theo pháp luật được sử dụng tài khoản của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự mà mình giám hộ, đại diện. Người giám hộ, người đại diện theo pháp

luật của chủ tài khoản không được ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác được sử dụng tài khoản của người mà mình làm giám hộ, đại diện.

Người giám hộ, người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm sử dụng tài khoản này vì lợi ích của người được giám hộ, được đại diện; có đầy đủ quyền và trách nhiệm trong việc sử dụng tài khoản theo các quy định tại quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Sử dụng tài khoản đồng chủ tài khoản:

Việc sử dụng tài khoản đồng chủ tài khoản phải thực hiện theo đúng các nội dung cam kết và thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận (hợp đồng) quản lý và sử dụng tài khoản chung.

Trừ khi có các thỏa thuận khác về cách thức sử dụng tài khoản chung, phương thức giải quyết khi có tranh chấp thì việc sử dụng tài khoản đồng chủ tài khoản thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Các đồng chủ tài khoản có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài khoản chung và việc sử dụng tài khoản phải có sự chấp thuận của tất cả những người là đồng chủ tài khoản. Mỗi đồng chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản.

- Thông báo liên quan đến sử dụng tài khoản cho một đồng chủ tài khoản được coi như thông báo tới tất cả các đồng chủ tài khoản.

- Các đồng chủ tài khoản được ủy quyền cho nhau hoặc ủy quyền cho người khác trong việc sử dụng và định đoạt tài khoản chung trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

- Khi đồng chủ tài khoản là cá nhân chết, bị tuyên bố mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc tổ chức bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản được giải quyết theo quy định của pháp luật.

❖ Ủy quyền sử dụng tài khoản:

- Việc ủy quyền sử dụng tài khoản và sử dụng tài khoản theo ủy quyền phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/09/2001 của chính phủ về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các quy định khác của pháp luật về ủy quyền.

- Thủ tục ủy quyền sử dụng tài khoản:

- Khi có nhu cầu ủy quyền sử dụng tài khoản cho những người chưa có chữ ký đăng ký tại Giấy đề nghị mở tài khoản, chủ tài khoản phải lập Giấy ủy quyền sử dụng tài khoản theo đúng các quy định của pháp luật.

- Mẫu dấu (nếu có) và chữ ký của người được ủy quyền sử dụng tài khoản phải được lưu giữ tại NH.

❖ **Quyền của chủ tài khoản:**

+ Chủ tài khoản có quyền sử dụng số tiền trên tài khoản thông qua các lệnh thanh toán hợp lệ. Chủ tài khoản được NH tạo mọi điều kiện để sử dụng tài khoản của mình đảm bảo có hiệu quả và an toàn nhất.

+ Được lựa chọn và sử dụng các dịch vụ thanh toán do NH cung cấp phù hợp với yêu cầu, khả năng và quy định của pháp luật.

+ Được ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản theo quy định.

+ Được yêu cầu NH thực hiện các lệnh thanh toán phát sinh hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi số dư có và hạn mức thấu chi (nếu được phép).

+ Được yêu cầu NH đóng, phong tỏa hoặc thay đổi cách thức sử dụng tài khoản khi cần thiết.

+ Được hưởng lãi suất cho số tiền trên tài khoản theo mức lãi suất do NH quy định hợp với cơ chế quản lý lãi suất của NH Nhà nước ban hành trong từng thời kỳ. Đối với số dư tiền gửi bình quân quá thấp, lãi mỗi tháng nhỏ hơn 1000 VND hoặc 0.1 USD thì không được hưởng lãi.

+ Trách nhiệm của chủ tài khoản:

+ Đảm bảo có đủ số dư trên tài khoản để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Việc chi trả quá số dư Có trên tài khoản trong trường hợp đã có thỏa thuận thấu chi với NH.

- + Tự tổ chức hạch toán, theo dõi số dư trên tài khoản, đối chiếu với Giấy báo nợ, giấy báo có, hoặc giấy báo số dư tài khoản do NH gửi đến.
- + Chịu trách nhiệm về những sai sót hay bị lợi dụng khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản do lỗi của mình.
 - + Tuân thủ các hướng dẫn của NH về việc lập các lệnh thanh toán và sử dụng phương tiện thanh toán, thực hiện giao dịch thanh toán qua tài khoản; sử dụng, luân chuyển, lưu trữ chứng từ giao dịch; đảm bảo các biện pháp an toàn trong thanh toán do NH quy định.
 - + Thông báo kịp thời với NH khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình hoặc tài khoản của mình bị lợi dụng. Cung cấp thông tin chính xác khi yêu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán hoặc trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
 - + Không được cho thuê, cho mượn tài khoản, hoặc sử dụng tài khoản của mình cho các giao dịch thanh toán đối với những khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp.
 - + Phải duy trì số dư tối thiểu trong tài khoản. Nếu dưới mức số dư tối thiểu phải trả phí duy trì tài khoản. Phí này được quy định theo từng thời điểm.

❖ Quyền của NH:

- + Được chủ động trích tài khoản của khách hàng trong các trường hợp sau:
 - + Các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, chi phí hợp lệ khác phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo quy định đã thỏa thuận giữa NH và khách hàng.
 - + Các nghĩa vụ thanh toán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc chủ tài khoản phải thanh toán.
 - + Các trường hợp khách theo thỏa thuận giữa NH và khách hàng.
 - + Có quyền từ chối thực hiện các lệnh thanh toán của khách hàng trong các trường hợp sau:

+ Khách hàng không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán; lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký không phù hợp với thỏa thuận giữa NH và khách hàng.

+ Khách hàng không đủ số dư trên tài khoản đảm bảo cho việc thực hiện các lệnh thanh toán nếu không có thỏa thuận thấu chi trước với NH.

+ Trong trường hợp phát hiện người sử dụng tài khoản vi phạm các quy định hiện hành hoặc thỏa thuận đã có với NH, có dấu hiệu vi phạm pháp luật. NH có quyền không thực hiện các yêu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán của khách hàng, giữ lại tang vật và thông báo ngay với cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

+ Phong tỏa, đóng, chuyển đổi hoặc tắt toán số dư tài khoản theo quy định.

+ Được quy định các biện pháp đảm bảo an toàn trong thanh toán tùy theo yêu cầu và đặc thù hoạt động.

+ Yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ thanh toán theo quy định.

+ Phạt do khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng tài khoản đã thỏa thuận hoặc đã có quy định.

❖ **Trách nhiệm của NH:**

- Hướng dẫn khách hàng thực hiện đúng các quy định về lập hồ sơ mở tài khoản, lập chứng từ giao dịch và các quy định có liên quan trong việc sử dụng tài khoản. NH có trách nhiệm phát hiện và điều chỉnh kịp thời các tài khoản mở sai hoặc sử dụng chưa chính xác.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán, các yêu cầu sử dụng tài khoản của khách hàng phù hợp với quy định hoặc thỏa thuận giữa NH và khách hàng. Kiểm soát các lệnh thanh toán của khách hàng, đảm bảo lập đúng thủ tục quy định, hợp pháp, hợp lệ và khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký; cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại dịch vụ, phương tiện thanh toán cần thiết phục vụ nhu cầu giao dịch của khách hàng qua NH.

- Thực hiện hạch toán theo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên cơ sở các chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ nhận được. Điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng tài

khoản theo quy định.

- Gửi kịp thời, đầy đủ Giấy báo Nợ, Giấy báo có, Bản sao sổ tài khoản, Giấy báo số dư tài khoản theo yêu cầu của người sử dụng tài khoản. Thông tin kịp thời về những giao dịch thanh toán và số dư tài khoản cho khách hàng theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.
- Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng cách thức và thời hạn do Thống đốc NH Nhà nước quy định.
- Niêm yết công khai các quy định về mở và sử dụng tài khoản.
- Chịu trách nhiệm về những thiệt hại, vi phạm, lợi dụng trên tài khoản của khách hàng do lỗi của mình.

❖ Các quy định khác

1. Phong tỏa tài khoản:

- NH được phong tỏa một phần hay toàn bộ số dư trên tài khoản tiền gửi của khách hàng khi có một trong các điều kiện sau:
 - Khi có văn bản thỏa thuận giữa khách hàng và NH.
 - Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan pháp luật.
 - Các trường hợp do pháp luật quy định.

Việc sử dụng tài khoản phong tỏa, số tiền bị phong tỏa, thời gian bị phong tỏa, xử lý các lệnh thanh toán qua tài khoản trong thời gian phong tỏa thực hiện theo đúng nội dung phong tỏa.

- Số tiền phong tỏa trên tài khoản phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa, chỉ được giải tỏa khi việc phong tỏa chấm dứt. Nếu phong tỏa một phần, số tiền không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.
- Số tiền phong tỏa có thể được tính lãi hoặc không hưởng lãi tùy theo nội dung của quyết định phong tỏa.
- Việc phong tỏa tài khoản được chấm dứt khi:
 - Kết thúc thời hạn phong tỏa đã thỏa thuận giữa khách hàng và NH.
 - Cơ quan pháp luật yêu cầu phong tỏa ra quyết định hoặc yêu cầu chấm dứt phong tỏa.
 - Theo quy định của pháp luật.

2. Đóng tài khoản tiền gửi:

- NH đóng tài khoản tiền gửi của khách hàng trong những trường hợp sau:
 - Theo yêu cầu đóng tài khoản của chủ tài khoản.
 - Khi cá nhân chủ tài khoản bị mất tích, chết, hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
 - Khi tổ chức có tài khoản bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
- NH còn được đóng tài khoản của khách hàng khi :

Chủ tài khoản vi phạm pháp luật trong thanh toán hoặc vi phạm thỏa thuận với NH.

- Tài khoản không còn số dư và liên tục không giao dịch trên 6 tháng.

3. Thủ tục đóng tài khoản tiền gửi:

- Trường hợp theo yêu cầu của chủ tài khoản: văn bản yêu cầu đóng tài khoản của chủ tài khoản.
- Trường hợp cá nhân chủ tài khoản bị chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự:
 - Giấy chứng tử của UBND Phường, xã, nơi người chết có đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú.
 - Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án.
 - Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án.
 - Quyết định tuyên bố một người là đã chết của Tòa án.
 - Quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án
- ✓ Trường hợp tổ chức có tài khoản chấm dứt hoạt động: các giấy tờ chứng minh tổ chức chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật, cụ thể:
 - ✓ Quyết định giải thể doanh nghiệp của cấp thẩm quyền.
 - ✓ Quyết định tuyên bố phá sản theo luật phá sản doanh nghiệp.
 - ✓ Quyết định chia tách, sáp nhập của cấp có thẩm quyền
 - ✓ Quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền.

Sau khi đóng tài khoản, nếu doanh nghiệp muốn mở lại tài khoản phải lập lại thủ tục mở tài khoản.

- Trường hợp chủ tài khoản vi phạm pháp luật trong thanh toán hoặc vi phạm thỏa thuận với NH: NH Nam Á lập biên bản xác định rõ loại vi phạm của chủ tài khoản,

khi có ý kiến xét duyệt của Ban lãnh đạo thì thực hiện việc đóng tài khoản.

- Hồ sơ đóng tài khoản được lưu trữ theo quy định (lưu theo thứ tự mã số khách hàng, đóng thành tập mỗi năm, bảo quản trong kho lưu trữ chứng từ của NH).

1.2.2. Tài khoản tiền gửi tiết kiệm

** Một số thuật ngữ thường dùng:*

- Người gửi tiền (“Khách Hàng”) là người thực hiện giao dịch liên quan đến Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn. Người gửi tiền có thể là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn.
- Chủ sở hữu Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn là người đứng tên trên Thông báo Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/ Thẻ Tiết Kiệm.
- Đồng chủ sở hữu Tiền Gửi Tiết Kiệm, Tiền Gửi Có Kỳ Hạn là 02 (hai) cá nhân trở lên cùng đứng tên trên Thông báo Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/ Thẻ tiết kiệm.
- Giao dịch liên quan đến Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn là giao dịch gửi, rút Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn và các giao dịch khác liên quan đến Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn.
- Thông báo Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/ Thẻ tiết kiệm là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu của chủ sở hữu Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/ Tiền Gửi Tiết Kiệm hoặc đồng chủ sở hữu Tiền Gửi Có Kỳ Hạn/ Tiền Gửi Tiết Kiệm gửi tại Ngân Hàng.

*** Đối tượng**

Đối tượng gửi Tiền Gửi Tiết Kiệm

- Công dân Việt Nam được gửi tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam
- Công dân Việt Nam là người cư trú được gửi tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ

Đối tượng gửi Tiền Gửi Có Kỳ Hạn

- Công dân Việt Nam
- Cá nhân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ 6 (sáu) tháng trở lên và kỳ hạn gửi không được phép vượt quá thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam.

Loại tiền tệ : VND, USD, EUR, GBP, AUD, CAD, JPY, SGD, và HKD.....và phụ thuộc vào yêu cầu của từng NH

***Lãi suất tiền gửi**

Khách Hàng có thể tham khảo tại các Chi Nhánh/ Phòng Giao Dịch tại NH mà mình có nhu cầu, kênh Ngân Hàng Trực Tuyến hoặc gọi tới Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng.

✓ *Yếu tố tính lãi*

- Thời hạn tính lãi: kể từ và bao gồm ngày Khách Hàng gửi tiền và không bao gồm ngày đáo hạn.
- Số dư thực tế: số tiền gốc được duy trì trong suốt thời hạn tính lãi của khoản tiền gửi
- Số ngày duy trì số dư thực tế: số ngày mà số dư thực tế không đổi
- Lãi suất tính lãi: lãi suất hằng năm trên cơ sở một năm có 365 ngày do Ngân Hàng quy định tại từng thời điểm trong suốt kỳ hạn của khoản tiền gửi. Tổng lãi suất tiền gửi (bao gồm các lãi suất ưu đãi) sẽ tuân theo các quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tại từng thời điểm. Khách hàng có thể liên hệ quầy giao dịch tại các chi nhánh và phòng giao dịch hoặc truy cập trang thông tin điện tử của Ngân Hàng để biết về lãi suất.

✓ *Thanh toán lãi*

- Đối với Tiền Gửi Tiết Kiệm, tiền lãi sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn. Đối với Tiền Gửi Có Kỳ Hạn, tiền lãi sẽ được thanh toán hàng tháng hoặc vào ngày đáo hạn theo sự lựa chọn của Khách Hàng lúc mở tiền gửi.
- Trong trường hợp ngày đáo hạn trùng với ngày cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật, việc chi trả gốc và lãi được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

❖ *Sử dụng Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn làm tài sản đảm bảo*

- + Tiền Gửi Có Kỳ Hạn và Tiền Gửi Tiết Kiệm có thể được cầm cố hoặc bảo lãnh vay vốn tại Ngân Hàng.
- + Tiền Gửi Có Kỳ Hạn và Tiền Gửi Tiết Kiệm không được cầm cố hoặc bảo lãnh vay vốn tại các ngân hàng khác trừ trường hợp được Ngân Hàng chấp thuận.

❖ *Thủ tục gửi tiền và rút Tiền Gửi Tiết Kiệm/ Tiền Gửi Có Kỳ Hạn*

- Giao dịch tại quầy

Địa điểm giao dịch:

- Khách Hàng có thể thực hiện giao dịch đối với Tiền Gửi Có Kỳ Hạn và Tiền
- Gửi Tiết Kiệm tại các Chi Nhánh/ Phòng Giao Dịch trên toàn hệ thống của Ngân Hàng tại Việt Nam.

Hồ sơ giao dịch tại quầy

- Đơn mở tài khoản thanh toán dành cho Khách hàng cá nhân (nếu Khách Hàng chưa có tài khoản thanh toán để phục vụ cho giao dịch mở Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn)
- Giấy đề nghị gửi/ rút tiền theo mẫu của Ngân Hàng
- Bản gốc giấy tờ xác minh thông tin cá nhân
- Thị thực/ thẻ cư trú/ thẻ cư trú tạm thời/ giấy tờ khác xác định thời hạn được phép cư trú của cá nhân tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp còn thời hạn hiệu lực
- Bản gốc Thông Báo Tiền gửi Có Kỳ Hạn/ Thẻ Tiết Kiệm nếu là giao dịch rút Tiền gửi Có Kỳ Hạn/ Tiền Gửi Tiết Kiệm
- Các giấy tờ liên quan khác

Thủ tục giao dịch

✓ Giao dịch thông qua Ngân Hàng Trực Tuyến

- Khách Hàng đăng nhập vào dịch vụ Ngân Hàng Trực Tuyến theo Tên Đăng Nhập và mật khẩu đã đăng ký với Ngân Hàng và thực hiện giao dịch mở (các) Tài Khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn theo hướng dẫn từng bước trên giao diện của Ngân Hàng Trực Tuyến.

- Ngân hàng sẽ xem xét sự phù hợp của (các) khoản tiền gửi này vào ngày làm việc tiếp theo. Nếu thông tin cá nhân của Khách Hàng không đáp ứng được yêu cầu của pháp luật Việt Nam, Ngân Hàng sẽ:

+ đóng (các) khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn này và ghi có tiền gốc vào (các) tài khoản thanh toán (Tài Khoản Vãng Lai/ Tài Khoản An Lợi) đang hoạt động được duy trì tại Ngân Hàng và có cùng loại tiền tệ với (các) khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn của Khách Hàng; hoặc

+ tiếp tục duy trì tổng số tiền gốc của (các) khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn này của Khách Hàng với lãi suất 0%/năm nếu Khách Hàng không có bất kỳ

tài khoản thanh toán (Tài Khoản Vãng Lai/ Tài Khoản An Lợi) đang hoạt động có cùng loại tiền tệ với (các) khoản Tiền Gửi Có Kỳ Hạn tại Ngân Hàng.

BÀI 2: NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG

Giới thiệu: Bài này nêu khái niệm, quy trình, ưu nhược điểm của 5 hình thức cấp tín dụng của ngân hàng, đó là cho vay tiêu dùng, cho vay theo dự án đầu tư, hợp vốn và cho thuê tài chính. Bài học cũng minh họa từng hình thức bằng các ví dụ cụ thể để sinh viên có thể vận dụng nhằm giải quyết các tình huống thực tế.

Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm và quy trình của từng hình thức cấp tín dụng.
- Phân biệt được sự khác nhau giữa các hình thức cấp tín dụng.
- Phân tích và lấy ví dụ minh họa về từng hình thức cấp tín dụng

Nội dung

2.1. Cho vay tiêu dùng

2.1.1. Cho vay từng lần

2.1.2. Cho vay trả góp

2.1.3. Cho vay tuần hoàn

2.2. Cho vay theo dự án đầu tư

2.2.1. Một số vấn đề cơ bản về dự án đầu tư

2.2.2. Quy trình cho vay theo dự án đầu tư

2.2.3. Thẩm định dự án đầu tư

2.3. Cho vay hợp vốn

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Nguyên tắc tổ chức

2.3.3. Trường hợp áp dụng

2.3.4. Quy trình cho vay

2.4. Cho thuê tài chính

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Các hình thức cho thuê tài chính

2.4.3. Các tài sản thuê

2.4.4. Điều kiện thuê tài chính

2.4.5. Một số nội dung trong hợp đồng cho thuê tài chính

2.4.6. Quy trình cho thuê tài chính

2.1. Cho vay tiêu dùng

2.1.1. Cho vay từng lần

Cho vay từng lần là hình thức cho vay phổ biến của ngân hàng. Mỗi lần vay khách hàng phải làm đơn và trình ngân hàng phương án sử dụng vốn vay. Ngân hàng sẽ phân tích khách hàng, thẩm định dự án và ký hợp đồng cho vay, xác định mục đích, quy mô

cho vay, thời hạn giải ngân, thời hạn trả nợ, lãi suất và yêu cầu đảm bảo (nếu cần)... Mỗi món vay được tách biệt nhau thành các hồ sơ (khế ước nhận nợ) khác nhau. Theo từng kỳ hạn nợ trong hợp đồng, ngân hàng sẽ thu gốc và lãi.

Nếu cho vay dựa trên giá trị tài sản đảm bảo:

Số tiền vay ngân hàng $\leq$ Giá trị tài sản đảm bảo $\times$ Tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo.

Ngân hàng áp dụng cho vay từng lần đối với khách hàng không có quan hệ tín dụng thường xuyên với ngân hàng hoặc độ tín nhiệm thấp, hoặc vay trung và dài hạn. Việc xét duyệt nhu cầu vay mỗi khi phát sinh làm khách hàng mất nhiều thời gian và chi phí, thậm chí có thể bị lỡ mất cơ hội kinh doanh cho thời gian xét duyệt quá lâu. Tuy nhiên, hình thức cho vay này lại giúp ngân hàng được cập nhật thông tin về khách hàng trước khi cấp tín dụng, và quản lý nhu cầu vay theo từng hồ sơ riêng rẽ.

Là một phương thức cho vay mà mỗi lần vay khách hàng và tổ chức tín dụng làm thủ tục vay vốn cần thiết và kí kết hợp đồng tín dụng.

Phương thức này áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu và đề nghị vay vốn từng lần, khách hàng có nhu cầu vay vốn không thường xuyên hoặc khách hàng mà ngân hàng xét thấy cần thiết phải áp dụng cho vay từng lần để giám sát kiểm tra quản lý việc sử dụng vốn vay chặt chẽ an toàn.

Ưu điểm: Phương thức này là linh hoạt trong quá trình sử dụng vốn của ngân hàng. Khi nào khách hàng có nhu cầu vay vốn, ngân hàng mới xem xét đáp ứng (mỗi lần vay ngân hàng đều định thời hạn cho khoản vay đó, đến thời hạn trả nợ người vay phải có trách nhiệm trả nợ ngân hàng). Do đó, qua phương thức cho vay này ngân hàng kiểm tra chặt chẽ được từng món vay, tính toán được hiệu quả kinh tế của từng đối tượng cho vay đó đảm bảo được khả năng an toàn vốn cho ngân hàng.

Nhược điểm: Cho vay từng lần thủ tục rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho người vay. Mỗi lần vay tiền, người vay phải làm đơn xin vay gửi tới ngân hàng xem xét quyết định cho vay.

Nếu đối tượng vay vốn có vòng quay nhanh thì doanh nghiệp sẽ sử dụng món vay đó vào nhiều mục đích mà ngân hàng không kiểm soát được điều này gây nên tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ, ảnh hưởng đến nguồn vốn của ngân hàng.

2.1.2. Cho vay trả góp

Khi vay vốn, tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thoả thuận số lãi tiền vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời kỳ cho vay. Tài sản mua bằng vốn vay chỉ thuộc sở hữu của bên vay sau khi trả đủ nợ gốc và lãi.

Những ưu điểm của cho vay trả góp:

- Người vay không cần thế chấp tài sản đảm bảo: Khác hoàn toàn với vay thế chấp, khách hàng không phải thế chấp bất cứ tài sản cố định nào: giấy tờ xe hơi, sổ đỏ nhà đất.
- Thủ tục hồ sơ đơn giản: Khách hàng chỉ cần cung cấp cho ngân hàng những giấy tờ tùy thân, thủ tục nhanh gọn hơn nhiều so với vay thế chấp.
- Ngân hàng không cần quan tâm đến chi tiết mục đích vay: mà họ chỉ quan tâm đến khả năng thanh toán, trả lãi suất ngân hàng của bạn có đúng hạn hay không. Để xác nhận điều đó ngân hàng sẽ kiểm tra thu nhập, việc làm kinh doanh của bạn.
- Số tiền vay cao: Bạn dễ dàng vay một khoản có thể lên tới 500 triệu đồng để phục vụ cho mục đích của mình

Nhược điểm của cho vay trả góp:

- Điểm tín dụng là điều mà ngân hàng đánh giá xem khách hàng có được vay hay không. Do vậy khi bạn có một điểm tín dụng xấu thì nguy cơ bị ngân hàng từ chối cho vay là điều khó tránh khỏi.
- Mỗi ngân hàng lại có những thủ tục vay tiêu dùng khác nhau như thời hạn vay, cách thức vay, số tiền vay... nên cần nhiều thời gian tìm hiểu về nó.
- Đa số các khoản vay tiêu dùng không thế chấp đều có các loại phụ phí đi kèm. Nên trước khi vay bạn phải tỉnh táo để tìm hiểu các khoản này.

- Khi vay bạn nên xác định khả năng trả nợ theo từng tháng. Khi xác định rõ khoản tiền mà bạn có thể trả hàng tháng, thì cần báo cho ngân hàng xác định khoản vay thời hạn trả nợ hợp lý.
- Những khoản trả phí các lãi suất là tương đương nhau, tuy nhiên sự khác nhau là ở giá trị lãi suất. Do đó cần tìm hiểu kỹ cách tính các khoản lãi suất.

2.1.3. Cho vay tuần hoàn

- Là cách thức cho vay bằng cách ngân hàng xác định cho khách hàng của mình một hạn mức tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định để làm căn cứ cho việc phát tiền vay.

- Phương thức này chỉ áp dụng đối với những khách hàng có tình hình sản xuất kinh doanh ổn định vay vốn trả nợ thường xuyên, có tín nhiệm với ngân hàng. Trách nhiệm của kế toán phải theo dõi chặt chẽ dư nợ của tài khoản cho vay để dư nợ của tài khoản cho vay không vượt quá hạn mức tín dụng đã ký kết.

- *Ưu điểm:* Trước hết nó tiết kiệm vốn tối đa cho người vay vì khi mua nguyên liệu hàng hoá thì vay, bán hàng là ghi thẳng vào bên Có để trả nợ không phải vừa vay vừa động tiền gửi như lỗi cho vay từng lần.

- Thứ hai là cán bộ ngân hàng dễ nắm tình hình đơn vị vay vì doanh số cho vay thể hiện doanh số mua vào, doanh số thu nợ thể hiện doanh số bán ra. Từ đó biết tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng tương đối chính xác đặc biệt là khả năng tài chính của khách hàng.

- *Nhược điểm:* Do ngân hàng và khách hàng cùng thoả thuận hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định nên ngân hàng luôn phải duy trì một số vốn nhất định để sẵn sàng giải ngân cho người vay làm cho ngân hàng bị động vốn sử dụng, nếu khoản vay lớn có thể dẫn đến tình trạng ứ đọng vốn của ngân hàng bởi đó là những khoản vốn chết đã không đem lại lợi nhuận cho ngân hàng mà ngân hàng còn phải trả lãi huy động cho những khoản vốn đó.

2.2. Cho vay theo dự án đầu tư

2.2.1. Một số vấn đề cơ bản về dự án đầu tư

✓ **Khái niệm dự án đầu tư:**

- Đầu tư là hoạt động sử dụng tiền vốn, tài nguyên trong một thời gian dự án nhằm thu về lợi nhuận hoặc lợi ích kinh tế, xã hội.

- Quản lý đầu tư xây dựng là quản lý Nhà nước về quá trình đầu tư và xây dựng từ bước xác định dự án đầu tư để thực hiện đầu tư và cả quá trình đưa dự án vào khai thác, sử dụng đạt mục tiêu đã định.

- *Vậy dự án đầu tư là tập hợp những đề xuất về việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những đối tượng nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng, cải tiến hoặc nâng cao chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ nào đó trong một khoảng thời gian xác định.*

✓ **Đặc điểm và phân loại đầu tư:**

Một dự án có thể xác định theo nhiều cách. Các dự án có thể là do các bộ ngành hữu quan đề xuất, có thể bắt nguồn từ quá trình xây dựng các kế hoạch kinh tế quốc gia hay các doanh nghiệp tư nhân hoặc nhà nước cũng có các dự án đòi hỏi chính phủ phải trợ giúp hoặc phê chuẩn trước khi thực hiện.

Khi thực hiện 1 dự án bao giờ cũng có sự mâu thuẫn tiềm ẩn về lợi ích giữa những người thực hiện dự án và toàn xã hội. Lý do là lợi ích của dự án và các chương trình công cộng chỉ tập trung cho 1 bộ phận dân chúng. Chẳng hạn như, một đập thủy lợi chỉ giúp ích cho một nhóm hộ nông dân trong vùng ảnh hưởng của đập mà thôi. Nói một cách khác, một dự án đầu tư chỉ giúp ích cho một bộ phận cộng đồng nào đó. Những đối tượng nhận biết được lợi ích do dự án mang lại cho mình nên có xu hướng ủng hộ mạnh mẽ. Đồng thời nếu các chi phí của dự án được cung cấp phần lớn bằng tiền ngân sách chung của chính phủ, là kinh phí được phân bổ rộng rãi cho toàn xã hội, thì sẽ không có một nhóm người nào thấy mình phải chịu phần lớn gánh nặng chi phí của dự án. Kết quả có thể đoán trước được là những người được hưởng lợi từ dự án có xu hướng tạo thành một nhóm lên tiếng ủng hộ dự án mạnh mẽ, trong khi có nhóm người thua thiệt (là những người gánh chịu chi phí dự án) lại quá phân tán và những mất mát cá nhân trong số họ quá nhỏ, nên họ không thể trở thành đối tượng có hiệu quả để chống lại nhóm đối tượng hưởng lợi mang tính tập trung cao.

Nói cụ thể 1 dự án có thể chi phí cao 100% trong khi mức lợi ích chỉ là 50% nếu xét trên toàn xã hội, nhưng nếu nhóm hưởng lợi chỉ chịu 5% mức tổng chi phí của dự án, họ

sẽ thấy đó là một dự án vô cùng tốt và sẽ gây áp lực mạnh mẽ để dự án được thực hiện. Chính vì vậy mà chúng ta cần sớm có hệ thống thẩm định dự án tốt nhằm bảo vệ lợi ích của cả quốc gia.

Tuy nhiên, không chỉ dừng lại ở đó, bởi trên thực tế, cũng có các áp lực ủng hộ dự án và các chương trình phát sinh từ trong bộ máy chính quyền. Các bộ, ngành, chức năng thường đề xuất các dự án và việc họ coi trọng các dự án mà họ nghĩ là phục vụ cho lợi ích chung, cũng là một điều tự nhiên và phù hợp. Nhưng điều này chưa đủ đảm bảo là các dự án mà họ đề xuất thực sự có hiệu quả về mặt kinh tế xã hội. Chúng ta cần các quy trình thẩm định chính thức, vì hệ thống này sẽ giúp chúng ta tránh được những lựa chọn đầu tư sai lầm. Chỉ có những suy nghĩ ảo tưởng mới khiến chúng ta cho rằng nhiệt tình của các cơ quan trong chính quyền, của các quan chức đối với dự án mà họ xây dựng và đệ trình lại không là nguyên nhân đáng kể, có thể đưa đến sai lầm.

a) Phân loại:

Các dự án đầu tư có thể dựa theo các căn cứ sau đây:

1. Căn cứ nguồn tài lực khan hiếm của dự án.
2. Số vốn đầu tư.
3. Sự tác động của các dự án đầu tư khác đến lợi ích thu được từ dự án đầu tư được xem xét.

Một dự án có thể tự đứng vững một cách độc lập. Loại dự án khác chỉ có thể thành công khi có thêm các dự án đầu tư khác yểm trợ. Loại thứ 3, các dự án vô tác dụng nếu có các dự án cạnh tranh khác được thông qua.

* Dự án đầu tư phụ thuộc vào dự án đầu tư độc lập.

- Dự án độc lập về mặt kinh tế:

Dự án đầu tư A không phụ thuộc (độc lập) dự án B về mặt kinh tế khi thỏa mãn 2 điều kiện:

- Dự án A phải có tính khả thi về mặt kỹ thuật mặc dù dự án B có được chấp thuận hay không.
- Lợi ích dự kiến của dự án A không bị chi phối bởi sự chấp thuận dự án B hay không

- Dự án phụ thuộc về mặt kinh tế:

Nếu do việc thực hiện dự án 2 mà lợi ích dự kiến của dự án 1 tăng lên thì dự án 2 được coi như là bổ sung cho dự án 1.

Nếu do việc thực hiện dự án 2 mà lợi ích dự kiến của dự án 1 giảm xuống thì dự án 2 được coi như là thay thế cho dự án 1.

- Dự án loại trừ nhau:

Trường hợp dự án 1 bị loại hoàn toàn khi dự án 2 được thông qua thì 2 dự án được coi là loại trừ nhau.

4. Hình thức lợi ích thu được:

5. Các lợi ích gia tăng do chi phí thấp(tăng hiệu quả):

6. Bộ phận chức năng liên quan chặt chẽ đến dự án đầu tư:

Ví dụ như công ty dầu mỏ có thể phân loại dự án đầu tư theo các hoạt động : Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển,...

7. Phân loại ngành nghề theo lĩnh vực kinh doanh.

8. Mức độ cần thiết của dự án.

○ Phân loại theo quy mô.

Tùy theo tính chất, hình thức, quy mô, người ta phân làm 3 nhóm chính A, B, C, và quy định quyền hạn, cấp chính quyền xét duyệt.

○ Dự án tạo thu nhập.

Mục tiêu chính của dự án này là tạo ra lợi nhuận.

○ Dự án phát triển.

Mục tiêu chính là tạo ra sự phát triển của một vùng, 1 miền, hoặc của 1 quốc gia.

b) Đặc điểm:

Các đặc điểm của 1 loại dự án như sau:

- Dự án là một công việc không thường kỳ:

Bảng 1: So sánh dự án với công việc thường nhật:

Dự án	Công việc định kỳ.
Điều ngoại lệ của các chức năng thông thường.	Định rõ trong công việc thường kỳ.
Các hoạt động của dự án có liên quan	Các hoạt động không liên quan đến

đến nhau.	nhau.
Mục tiêu và hạn chót là cụ thể.	Mục tiêu và hạn chót là chung chung.
Kết quả (out put) phải rõ ràng	. Không có kết quả nào được định rõ.

- Các hoạt động của dự án có liên quan nhau:

Các hoạt động của dự án phải liên quan với nhau theo một trật tự thời gian nhất định, chẳng hạn như một công việc chỉ có thể bắt đầu khi một số công việc khác đã kết thúc hoặc có những mốc thời gian của các giai đoạn chính của dự án.

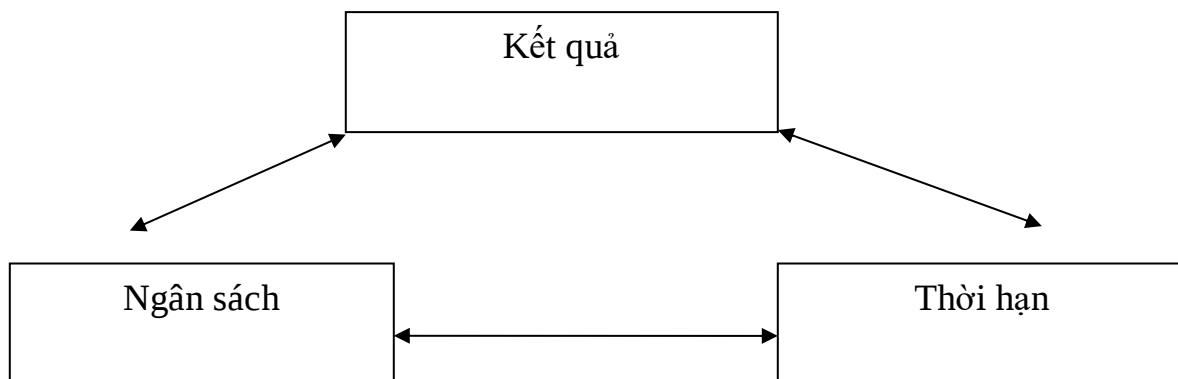
- Mục tiêu và hạn chót là cụ thể:

Một dự án phải có một mục tiêu rõ ràng và cụ thể, hơn nữa nó phải có hạn chót (deadline).

- Kết quả phải rõ ràng:

Các kết quả phải thể hiện rõ các mục tiêu của dự án

Ba điều kiện ràng buộc của dự án:



Phần lớn công sức đều được bỏ ra trong khâu thiết lập dự án hơn là khâu đánh giá các dự án đã thực hiện được. Để thực hiện công tác đánh giá này, chúng ta cần tiến hành đánh giá khâu quản lý hành chính của dự án ngay khi dự án đi vào giai đoạn vận hành. Các cán bộ quản lý giai đoạn vận hành phải hiểu rõ rằng việc thẩm định kỹ lưỡng các kết quả của dự án phải được tiến hành trong suốt thời gian hoạt động của nó. Bằng cách này, các dữ liệu cần thiết có thể được xây dựng thông qua các hoạt động tài chính và kiểm soát thông thường, tạo điều kiện cho việc thẩm định được thực hiện với chi phí thấp nhất. Việc này còn cho chúng ta thấy các biến số quan trọng nhất trong việc thiết kế và thực hiện dự án, nó đã quyết định sự thành công hoặc thất bại của dự án, để sao cho những kinh nghiệm thành công được lặp lại và những kinh nghiệm thất bại bị loại trừ.

Đối với dự án đầu tư không thuộc vốn ngân sách nhà nước, thì phải có văn bản thẩm định của các cấp, các ngành liên quan mới được đưa vào hoạt động. Đây là những dự án mở rộng, nhà nước không thể dùng thanh toán hay thu hồi vốn thanh toán cho dự án. Và các chủ đầu tư phải chịu mọi trách nhiệm về hậu quả của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Bởi vậy dự án không thuộc vốn ngân sách nhà nước cũng phải chịu sự thẩm định, giám sát chặt chẽ của các cơ quan chức năng nên khi đi vào hoạt động sẽ không chịu các điều kiện ràng buộc về thời gian mà chỉ chịu các điều kiện về kết quả và vốn đầu tư.

2.2.2. Quy trình cho vay theo dự án đầu tư

✓ Khái niệm cho vay theo dự án đầu tư:

Khi khách hàng có kế hoạch mua sắm, xây dựng tài sản cố định... nhằm thực hiện dự án nhất định, có thể xin vay ngân hàng. Một trong những yêu cầu của ngân hàng là người vay phải xây dựng dự án, thể hiện mục đích, kế hoạch đầu tư cũng như quá trình thực hiện dự án (sản xuất kinh doanh). Thẩm định dự án là điều kiện để ngân hàng quyết định phần vốn cho vay và xác định khả năng hoàn trả của doanh nghiệp.

Vậy: Cho vay theo dự án đầu tư là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, thực hiện các dự án đầu tư mới, dự án mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đầu tư dây chuyền sản xuất, mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, văn phòng làm việc, xây dựng di dời nhà xưởng sản xuất vào Khu chế xuất – Khu công nghiệp..., đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

*** Xác định số tiền cho vay:**

Số tiền cho vay = Tổng mức đầu tư của dự án – Vốn chủ sở hữu hoặc vốn tự có tham gia – Nguồn vốn huy động khác.

✓ Các nguyên tắc và căn cứ cho vay:

*** Nguyên tắc:** Khi khách hàng vay vốn của Ngân hàng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.
- Phải hoàn trả nợ gốc và tiền lãi theo đúng hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

*** Căn cứ cho vay:**

Thông qua các phương pháp phân tích tài chính dự án để đánh giá hiệu quả của dự án đó là các chỉ số NPV, IRR, thời gian hoàn vốn, tỷ suất thu nhập bình quân... Ngân

hàng có thể kiểm soát được hoạt động cũng như tính khả thi của dự án để quyết định việc cho vay dự án. Bên cạnh việc lựa chọn chỉ tiêu đánh giá thích hợp, ngân hàng đặc biệt quan tâm tới thời gian và các nguồn có thể dùng để trả nợ ngân hàng. Do vậy, trong những trường hợp không phải là dự án mới – tạo pháp nhân mới – ngân hàng luôn phân tích tài chính của người vay kết hợp với phân tích dự án. Một doanh nghiệp có tình hình tài chính mạnh là cơ sở quan trọng để ngân hàng quyết định cho vay để thực hiện dự án. Các nguồn thu khác của người vay có thể sẽ trở thành nguồn trả nợ cho ngân hàng bên cạnh nguồn thu dự án.

Nhu cầu đầu tư này được tính dựa trên tổng hợp các chi phí xây dựng, giải phóng mặt bằng, mua và lắp đặt các thiết bị,... và các tài sản lưu động dự trữ cần thiết để bắt đầu quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, khách hàng có thể lập kế hoạch vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Sau khi phân tích nhu cầu vốn đầu tư của người vay, ngân hàng sẽ xem xét kỹ lưỡng các nguồn vốn tài trợ như nguồn tự có, chiếm dụng của người cung cấp, vay các tổ chức tín dụng khác,...

- Quy mô và thời hạn của mỗi nguồn.
- Tính khả thi của mỗi nguồn và các điều kiện để dự án tiếp cận được nguồn.

Một số nguồn tài trợ có thể có thời gian không dài như tín dụng thương mại (mua trả chậm thiết bị). Người cung cấp có thể bán trả chậm trong một vài năm. Người vay phải trả khi mà các máy móc này mới chỉ hoạt động trong thời gian ngắn. Kế hoạch trả nợ này ảnh hưởng trực tiếp đến thu nợ của ngân hàng.

thiết bị chỉ được thực hiện khi nhà xưởng đã xây xong... Nếu ngân hàng là người cấp tín dụng duy nhất, trong trường hợp quy mô tín dụng lớn, rủi ro của ngân hàng sẽ rất cao. Việc có nhiều bên tham gia cấp tín dụng sẽ san sẻ rủi ro cho ngân hàng, song lại đòi hỏi ngân hàng phải phân tích kỹ các nguồn và chủ tài trợ.

❖ **Ngân hàng tính toán quy mô tín dụng như sau:**

Tín dụng của NH = Nhu cầu đầu tư – Các nguồn khác tham gia tài trợ.

Trong trường hợp để hạn chế rủi ro, ngân hàng có thể yêu cầu tài sản đảm bảo và cho vay dựa trên giá trị của tài sản đảm bảo.

Tín dụng của NH = Giá trị tài sản thế chấp x Tỷ lệ ngân hàng tham gia.

Tín dụng của ngân hàng có thể bao gồm cả cho vay, cho thuê, bảo lãnh cả ngắn, trung và dài hạn. Thời điểm tài trợ của ngân hàng cũng rất khác nhau, có thể tài trợ ngay từ đầu để người vay thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, hoặc bảo lãnh để nhập thiết bị, hoặc cho vay để trả cho người trả chậm, cho vay ứng trước phần vốn của Nhà nước cấp. Trong trường hợp ngân hàng yêu cầu phải có tài sản đảm bảo (tài sản loại 1), ngân hàng có thể quyết định phần tài trợ của mình theo giá trị của tài sản đảm bảo.

Ngoài ra ngân hàng còn đề ra các căn cứ để phát tiền vay:

- Hợp đồng tín dụng.
- Hợp đồng và chứng từ cung ứng vật tư, thiết bị, công nghệ, dịch vụ...
- Biên bản xác nhận giá trị khối lượng công trình hoàn thành (đã được nghiệm thu từng hạn mục hoặc toàn bộ công trình) hoặc các văn bản xác nhận tiến độ thực hiện dự án.

Mỗi lần nhận tiền vay, khách hàng phải ký giấy nhận nợ

- Trong trường hợp thời gian chưa vay được vốn ngân hàng, khách hàng đã dùng nguồn vốn huy động tạm thời khác để chi phí theo dự án được duyệt thì ngân hàng có thể xem xét cho vay bù đắp nguồn vốn đã sử dụng trước.
- Trường hợp hết thời gian giải ngân theo lịch đã thỏa thuận ban đầu mà khách hàng chưa sử dụng vốn vay ghi trong hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng đề nghị thì ngân hàng có thể xem xét, thỏa thuận và ký kết bổ sung hợp đồng tín dụng tiếp tục phát tiền vay phù hợp với tiến độ thi công cụ thể

- Ngân hàng và doanh nghiệp thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mức phí cam kết sử dụng tiền vay trong trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hết mức vốn vay đã thỏa thuận.

✓ Quy trình cho vay

a. Đối tượng cho vay:

Tất cả các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ hoặc các dự án đầu tư phục vụ đời sống, trừ những nhu cầu vốn không được cho vay và hạn chế như sau:

- Mua sắm các tài sản và các chi phí hình thành nên tài sản mà pháp luật cấm mua bán, chuyển nhượng, chuyển đổi.
- Thanh toán các chi phí cho việc thực hiện các giao dịch mà pháp luật cấm.
- Đáp ứng nhu cầu tài chính của các giao dịch mà pháp luật cấm.

Ngoài ra, mọi tổ chức kinh tế có dự án đầu tư phù hợp đều được xem xét, thẩm định và đưa ra các quyết định cho vay như:

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị kinh doanh có giấy phép đăng ký kinh doanh; Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty hợp doanh.
- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cơ quan, đơn vị trực thuộc các tổ chức trên.

b. Quy trình và thời gian xét duyệt cho vay:

- Cán bộ tín dụng được phân công giao dịch với khách hàng có nhu cầu vay vốn có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn và tiến hành thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định.
- Trưởng phòng tín dụng hoặc tổ trưởng tín dụng có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ và báo cáo thẩm định do cán bộ tín dụng lập, tiến hành xem xét, tái thẩm định (nếu cần thiết) hoặc trực tiếp thẩm định trong trường hợp kiêm làm cán bộ tín dụng, ghi ý kiến vào báo cáo thẩm định, tái thẩm định (nếu có) và trình giám đốc quyết định.
- Giám đốc NH nơi cho vay căn cứ báo cáo thẩm định, tái thẩm định (nếu có) do phòng tín dụng trình, quyết định cho vay hoặc không cho vay:

- + Nếu cho vay thì NH nơi cho vay cùng khách hàng lập hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay (trường hợp cho vay có bảo đảm bằng tài sản);
- + Khoản vay vượt quyền phán quyết thì thực hiện theo quy định hiện hành của NHNN Việt Nam;
- + Nếu không cho vay thì thông báo cho khách hàng biết.
- Hồ sơ khoản vay được giám đốc ký duyệt cho vay được chuyển cho kế toán thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán, thanh toán, chuyển thủ quỹ để giải ngân cho khách hàng (nếu cho vay bằng tiền mặt).
- Bộ hồ sơ vay vốn bao gồm:
 - o Giấy đề nghị vay vốn;
 - o Dự án vay vốn trả nợ;
 - o Hồ sơ pháp lý;
 - o Hồ sơ về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - o Hồ sơ về tài sản đảm bảo;
 - o Các loại hồ sơ khác,...

2.2.3.Thẩm định dự án đầu tư

Thực tế, hiện nay có rất nhiều rủi ro khác nhau khi cho vay nói chung và cho vay theo dự án nói riêng, xuất phát từ nhiều yếu tố và có thể dẫn đến việc không chi trả được nợ khi đến hạn. Do đó, để quyết định có chấp nhận cho vay hay không, các NHTM cần phải coi trọng việc phân tích tín dụng nói chung và thẩm định tài chính dự án nói riêng.

Nhằm hạn chế tỷ lệ nợ xấu tăng cao, quy trình thẩm định dự án đầu tư thường áp dụng theo 3 bước như sau:

Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý của bộ hồ sơ pháp lý:

- ❖ Hồ sơ pháp lý
- ❖ Hồ sơ kinh tế
- ❖ Hồ sơ vay vốn
- ❖ Hồ sơ đảm bảo tiền vay

Thẩm định khách hàng vay vốn:

- ❖ Địa vị pháp lý và tư cách của khách hàng vay vốn
- ❖ Lịch sử hình thành doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức, quản trị doanh nghiệp

- ❖ Phương thức, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính của doanh nghiệp
- ❖ Quan hệ với các tổ chức tín dụng

Thẩm định dự án đầu tư:

- ❖ Xem xét, đánh giá sơ bộ các nội dung chính của dự án
- ❖ Phân tích thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra của dự án
- ❖ Đánh giá khả năng cung cấp nguyên liệu và các yếu tố đầu vào của dự án
- ❖ Đánh giá, nhận xét các nội dung về phương diện kỹ thuật
- ❖ Thẩm định tổng vốn đầu tư và tính khả thi của phương án vay vốn
- ❖ Đánh giá hiệu quả về mặt tài chính của dự án

Trên cơ sở đó, tùy theo từng dự án cụ thể với những đặc điểm khác nhau mà nhân viên thẩm định có thể phân tích, đánh giá và đưa ra các điều kiện đi kèm với việc cho vay, hạn chế rủi ro, đảm bảo khả năng an toàn vốn vay.

Như vậy, thông qua việc quá trình thẩm định, ngân hàng mới có cái nhìn toàn diện về dự án; đánh giá về nhu cầu tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và tình hình sử dụng nguồn vốn, hiệu quả tài chính mà dự án mang lại cũng như khả năng trả nợ của dự án.

2.3.Cho vay hợp vốn

2.3.1. Định nghĩa

- Khái niệm

Cho vay hợp vốn là khoản cho vay được thực hiện bởi ít nhất hai tổ chức cho vay với các điều khoản và điều kiện cam kết chung được thể hiện trên cùng một văn bản (hợp đồng hợp vốn và hợp đồng tín dụng) và được thu xếp bởi một tổ chức đầu mối thực hiện nghiệp vụ đại lý. Cho vay hợp vốn được thực hiện đối với nhu cầu vay vốn để đầu tư cho các dự án theo các thời hạn: ngắn, trung, và dài hạn. các bên tham gia góp vốn cho vay thống nhất phương thức thẩm định dự án, có thể thành lập hội đồng thẩm định chung hoặc không thành lập hội đồng thẩm định chung nhưng vẫn đảm bảo việc cho vay được chặt chẽ thuận lợi đồng thời phải quản lý được dự án sau khi cho vay nhằm kiểm tra thường xuyên, định kỳ đối với bên vay để xử lý những vấn đề phát sinh. Các tổ chức tham gia góp

vốn sẽ tự chọn ra một tổ chức tín dụng làm đầu mối. tổ chức tín dụng đầu mối có thể là tổ chức tín dụng hoặc là chi nhánh của tổ chức tín dụng mà doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn hoặc xin bảo lãnh mở tài khoản tiền gửi thanh toán. mọi quan hệ tín dụng đều thông qua tổ chức tín dụng đầu mối.

Bản chất:

Các tổ chức tín dụng có thể lựa chọn hoặc đơn phương cho doanh nghiệp vay từ nguồn vốn của mình hoặc hợp vốn để cho vay. nhưng xuất phát từ nguyên tắc phân tán rủi ro để bảo toàn vốn kinh doanh, các tổ chức tín dụng luôn tìm mọi cách để khoản vay của mình mang lại lợi nhuận cao mà rủi ro có thể chấp nhận được. Hơn nữa để tài trợ vốn tín dụng cho một dự án có mức vốn đầu tư lớn hơn khả năng cho vay của một tổ chức tín dụng thì các tổ chức tín dụng thường đứng ra kêu gọi góp vốn để cho vay theo hình thức hợp vốn.

Về mặt bản chất cho vay hợp vốn chính là việc các tổ chức tín dụng hợp vốn để cho vay nhằm: đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng của các dự án có mức đầu tư lớn hơn khả năng cho vay của một tổ chức tín dụng. Khắc phục giới hạn cho vay và bảo lãnh của một tổ chức tín dụng đối với khách hàng và là một biện pháp hữu hiệu để phân tán rủi ro trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Điểm khác biệt lớn nhất giữa đơn phương cho vay và cho vay hợp vốn là quá trình hình thành nên nguồn vốn để cho vay và phương pháp quản lý khoản vay do đặc thù cấu thành nguồn vốn cho vay.

2.3.2. Nguyên tắc tổ chức

❖ **Nguyên tắc hợp tác cho vay:** các tổ chức tín dụng tham gia hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, tương trợ lẫn nhau trên cơ sở thống nhất hai nội dung:

- Xác định tổng nhu cầu vốn của từng doanh nghiệp, từ đó thông nhất mức tham gia vốn của từng tổ chức tín dụng. các tổ chức tín dụng căn cứ vào đó để cho vay không được vượt quá mức quy định của ngân hàng nhà nước

- Thống nhất chung một mức lãi suất khi cùng cho vay một loại hình doanh nghiệp.

❖ **Nguyên tắc cho vay:** Khi các tổ chức tín dụng hợp vốn để cung cấp tín dụng cho khách hàng, họ phải có cơ sở để tin rằng khách hàng sẽ trả nợ, nếu như các tổ chức tín dụng không có cơ sở để tin thì quan hệ tín dụng sẽ không xảy ra. vì thế,

các nguyên tắc trong việc cho vay mang tính chất luật pháp chính thức mà người cho vay và người vay đều phải tuân theo. Nếu như khách hàng nhận tín dụng của các tổ chức tín dụng, thì phải ký hợp đồng tín dụng. đơn xin vay là cơ sở để tổ chức tín dụng : kiểm tra khả năng vay và khả năng chi trả của người vay, ký hợp đồng tín dụng, ký hợp đồng bảo đảm tín dụng.

- ❖ Khi kiểm tra khả năng vay, phải phát hiện xem khách hàng xin vay có khả năng hoạt động và quyền hoạt động hay không. Kiểm tra khả năng vay là tiền đề để cho tất cả các hoạt động khác của tổ chức tín dụng đối với khách hàng nào đó , trong đó kể cả kiểm tra khả năng chi trả của họ. thực chất của việc kiểm tra trước hết là xem khách hàng đó có thể trả nợ tiền vay, tiền lãi và các khoản chi trả khác kịp thời hay không.
- ❖ Tất cả những điều còn lại là đặc trưng bên ngoài của hợp đồng tín dụng mà mục đích chính là thu được lợi nhuận tối đa. tất nhiên, trong việc kiểm tra khả năng chi trả của khách hàng vay số tiền nhỏ và khách hàng vay số tiền lớn có những khác biệt to lớn. Bắt đầu từ một số tiền vay nhất định, tất cả các khách hàng đều phải giải trình các chỉ tiêu kinh tế của mình. trước hết đó là xuất trình bảng cân đối kế toán hàng năm và các chỉ tiêu hoạt động khác. Trong bảng cân đối kế toán, khi cấp tín dụng các tổ chức tín dụng chú ý nhất tới cân đối thương nghiệp và cân đối thuế.
- ❖ Theo quan điểm của các tổ chức tín dụng, điều quan trọng nhất để giải quyết vấn đề cấp tín dụng là việc phân tích các chỉ tiêu sau: cơ cấu tài chính, các nguồn vốn thanh toán, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của công ty.
- ❖ Sau khi việc kiểm tra khả năng chi trả của khách hàng được kết thúc trên cơ sở phân tích nhiều chứng từ của họ và có được kết luận nghiệp vụ tín dụng đó sẽ có lợi , thì các tổ chức tín dụng mới đồng ý cấp tín dụng cho khách hàng. sự đồng ý cho vay được thể hiện bằng văn bản, đây là điều bắt buộc đối với khoản cho vay hợp vốn vì cho vay hợp vốn thường là những khoản cho vay lớn. và nếu như người vay đồng ý với điều kiện tín dụng, thì họ chuyển cho tổ chức tín dụng sự xác nhận của mình, sau đó xem như hợp đồng đã có hiệu lực

❖ Nguyên tắc quản lý tiền cho vay

- Để thu được lợi nhuận cao các tổ chức tín dụng cần thực hiện món vay có hiệu quả, chúng phải được hoàn trả đầy đủ. bởi vậy, khi tiến hành cho vay các tổ chức tín dụng phải đảm bảo nguyên tắc quản lý tiền cho vay.
- Sàng lọc và giám sát khách hàng: là công việc mà các tổ chức tín dụng tiến hành thu thập thông tin, để phân loại khách hàng.
- Duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng: một cách nữa để ngân hàng thu được những thông tin về khách hàng là nhờ quan hệ khách hàng lâu dài. mối quan hệ lâu dài làm lợi cho cả người vay lẫn ngân hàng. Nếu trước đây khách hàng đã vay vốn tại ngân hàng, thì ngân hàng đã có sẵn những phương thức giám sát khách hàng đó. Do đó chi phí về việc giám sát những khách hàng lâu dài sẽ thấp hơn so với những chi phí với khách hàng khác. Một khách hàng đã có mối quan hệ cũ sẽ dễ dàng được vay ở mức lãi suất thấp.
- Vật thế chấp: vật thế chấp là vật sở hữu được hứa cho người vay nếu người vay vỡ nợ đối với món tiền vay. người vay có thể bán vật thế chấp và dùng tiền thu được để bù lại các tổn thất của mình do món nợ cho vay đó gây nên.
- Hạn chế tín dụng: một nguyên tắc khác giúp các tổ chức tín dụng hạn chế rủi ro là việc hạn chế tín dụng: ngân hàng có thể từ chối không cho vay hoặc cho vay nhưng với mức thấp hơn người vay yêu cầu.

2.3.3. Trường hợp áp dụng

- Ở Việt Nam, căn cứ vào luật các tổ chức tín dụng thì giới hạn cho vay một khách hàng phải đảm bảo tổng mức dư nợ cho vay không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại, trừ trường hợp đối với những khoản vay từ các nguồn vốn uỷ thác của chính phủ của các tổ chức và cá nhân. Như vậy trường hợp nhu cầu vay vốn của khách hàng vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại hoặc khách hàng có nhu cầu huy động từ nhiều nguồn thì các ngân hàng thương mại tiến hành cho vay hợp vốn.
- Đối với các tổ chức tín dụng nhu cầu này vừa mang tính chủ quan vừa mang tính khách quan. Trường hợp nhu cầu vay vốn của khách hàng vượt quá 15% vốn tự có thì các tổ chức tín dụng chủ động tìm các thành viên khác cùng góp vốn để cho vay. Còn nếu khách hàng có yêu cầu vay vốn từ nhiều nguồn thì mặc dù khả năng nguồn vốn của một tổ chức

tín dụng cũng có thể đủ để cho vay nhưng vì yêu cầu của khách hàng phải tìm các thành viên để cùng thực hiện cho vay theo yêu cầu của khách hàng.

- *Nhu cầu phân tán rủi ro của các tổ chức tín dụng*: nhìn chung những dự án lớn hàm chứa độ rủi ro cao. thông qua phương thức cho vay hợp vốn các tổ chức tín dụng phân tán bớt rủi ro cho nhau, cùng chia lãi nếu dự án đó đem lại hiệu quả và cùng chia sẻ rủi ro nếu tổn thất từ cho vay hợp vốn nảy sinh. như vậy đây là nhu cầu hoàn toàn phụ thuộc vào tính chủ quan của các tổ chức tín dụng.
- *Khả năng nguồn vốn của một tổ chức tín dụng không đáp ứng được nhu cầu vốn của dự án*. tình trạng này xảy ra có thể là do nhu cầu vốn huy động tổ chức tín dụng quá nhỏ hoặc tại thời điểm đó có nhiều khách hàng đến vay vốn vì vậy cần thiết phải cho vay hợp vốn.

2.3.4. Quy trình cho vay

- Hợp vốn để cho vay với tư cách là đại lý thu xếp, tổ chức tín dụng phải thực hiện các bước cụ thể sau:

a. Xác định nhu cầu người vay: Tổ chức tín dụng đầu mối phải chủ động tìm dự án và nhu cầu vay của khách hàng. bằng các biện pháp tiếp thị và nghiệp vụ hợp lý để có được đề nghị vay vốn của khách hàng. Khi nhận được hồ sơ xin vay của khách hàng tổ chức tín dụng đầu mối đơn phương thẩm định sơ bộ khách hàng và hiệu quả của dự án bao gồm thẩm định thông tin về tài chính và phi tài chính như: tình trạng người vay, mức độ tăng trưởng của doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, nhu cầu đầu tư, khả năng tự trang trải, mục đích sử dụng vốn, thời hạn vay, lãi suất cho vay có thể chấp nhận được, kế hoạch trả nợ... đánh giá quan tín dụng trước đây và các quan hệ kinh tế- xã hội khác của khách hàng. đánh giá mức độ rủi ro của khoản vay và đánh giá khả năng đơn phương cho vay của mình.

- Sau khi xác định nhu cầu người vay cũng như đánh giá sơ bộ khách hàng và dự án, tổ chức tín dụng đầu mối cung cấp mức chào vốn hợp lý và hấp dẫn với người vay. Thoả thuận để có được uỷ nhiệm và thống nhất kế hoạch cho vay hợp vốn.

b. Tiến hành quá trình hợp vốn: khi đã xem xét nhu cầu vay vốn của khách hàng và thấy cần phải cho vay theo phương thức cho vay hợp vốn. tổ chức tín dụng đầu mối tiến hành quá trình hợp vốn bằng cách gửi giấy mời tham gia hợp vốn kèm theo dự thảo hợp đồng hợp vốn để cho vay và văn bản thoả thuận với người vay đến các tổ chức tín dụng khác.

tiến hành triệu tập các thành viên đồng ý tham gia hợp vốn để thoả thuận và xác định mức vốn góp của các tổ chức tín dụng.

c. Chuẩn bị hợp đồng hợp vốn: tổ chức tín dụng đầu mối chuẩn bị hợp đồng hợp vốn, trong đó xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp vốn, cụ thể là: tổ chức tín dụng đầu mối, các tổ chức tín dụng thành viên, mức vốn tham gia cho vay của từng thành viên, thời hạn tham gia hợp vốn, phí cam kết hợp vốn, phương pháp thẩm định(sử dụng kết quả thẩm định đơn phương của tổ chức tín dụng đầu mối hay phối hợp thẩm định chung), phương thức cho vay, biện pháp đảm bảo tiền vay có thể được sử dụng, phương thức giải ngân và thu hồi nợ vay, mức phí thu xếp hợp vốn để cho vay, xử lý rủi ro trong quá trình hợp vốn.

d. ký kết hợp đồng hợp vốn và hợp đồng tín dụng: sau khi đã thoả thuận , các bên tiến hành ký kết các hợp đồng hợp vốn và hợp đồng tín dụng và chuyển các văn bản cần thiết lên các cơ quan liên quan. tiến hành đàm phán lại với khách hàng để thực hiện giải ngân.

2.4. Cho thuê tài chính

2.4.1. Định nghĩa

Thuê tài chính là hình thức tín dụng trung dài hạn theo đó bên đi thuê xác định loại tài sản cần dùng, và ký hợp đồng với bên cho thuê tài sản. Bên cho thuê sẽ mua những tài sản trực tiếp từ nhà sản xuất theo yêu cầu của bên thuê, và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê sau đó chuyển cho bên đi thuê sử dụng. Bên thuê sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê theo lãi suất nhất định đã được hai bên thoả thuận.

Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thoả thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một

loại tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

❖ **Đặc điểm cho thuê tài chính:**

- Quyền sở hữu tài sản thuê được tự động chuyển giao cho bên thuê khi thời hạn cho thuê kết thúc.
- Hợp đồng cho thuê có quy định bên thuê có quyền chọn mua tài sản khi thời hạn thuê kết thúc.
- Thời hạn cho thuê chiếm phần lớn thời gian hữu dụng của tài sản
- Giá trị hiện tại của khoản tiền thuê tối thiểu bằng hoặc lớn hơn giá trị thị trường của tài sản.
- Bên thuê chịu chi phí bảo trì, bảo hiểm và không có quyền hủy hợp đồng thuê.
- Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được chuyển quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thỏa thuận của hai bên;
- Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản thuê theo giá trị danh nghĩa thấp hơn giá trị thực của tài sản thuê tại thời điểm mua lại
- Thời hạn thuê một loại tài sản ít nhất bằng 60% thời hạn cần thiết để khấu hao tài sản thuê.
- Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính, ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng

2.4.2. Các hình thức cho thuê tài chính

Hiện nay có các loại hình cho thuê tài chính như sau:

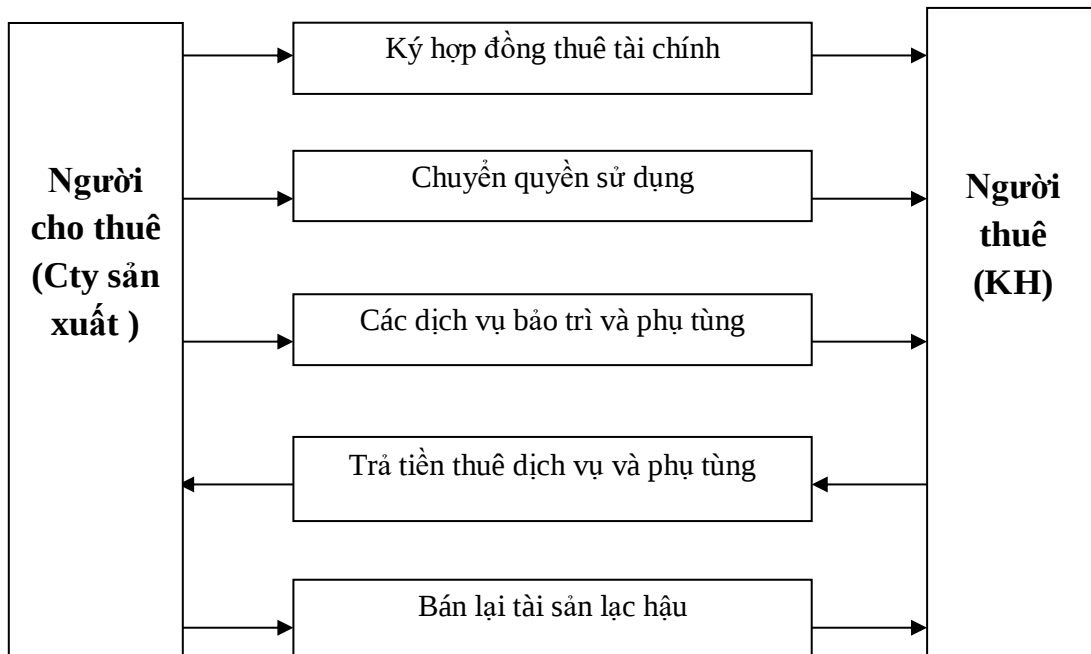
Cho thuê tài chính cơ bản:

❖ **Cho thuê tài chính trực tiếp:**

- Là nghiệp vụ cho thuê tài chính có hai bên tham gia: Người cho thuê và người đi thuê
- Người cho thuê thường là các nhà sản xuất – họ sử dụng thiết bị sẵn có và trực tiếp tài trợ cho người cho thuê nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm đồng thời

tăng khả năng thu hồi lợi nhuận và giảm bớt hao mòn vô hình của máy móc, thiết bị. (hình thức này hiện nay rất ít phổ biến)

Quy trình CTTC



❖ Cho thuê tài chính thuần:

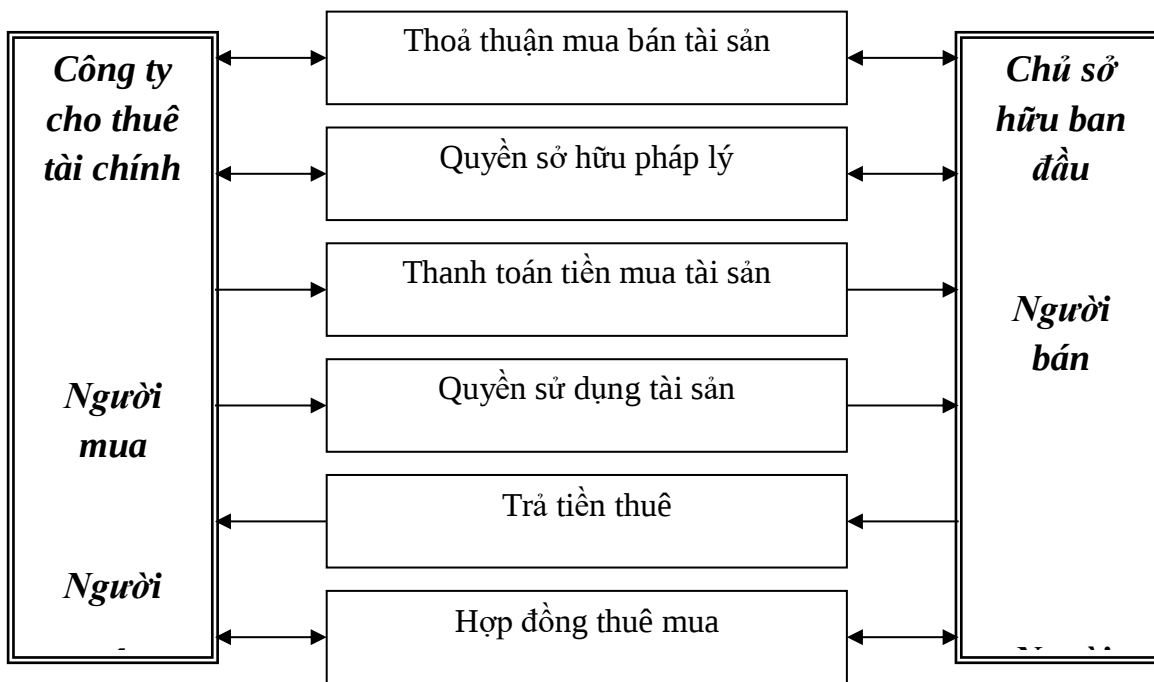
- Có ba bên: Người đi thuê, Nhà cung cấp và Người cho thuê.
- Bên cho thuê mua tài sản làm theo yêu cầu của bên đi thuê và được hai bên thỏa thuận theo hợp đồng thuê.
- Đây là phương thức cho thuê áp dụng phổ biến nhất hiện nay.
- Trên thế giới 80% hợp đồng cho thuê áp dụng theo phương thức này

❖ Cho thuê tài chính đặc biệt:

Mua và cho thuê lại:

- Doanh nghiệp bán tài sản cho Công ty cho thuê sau đó thuê lại tài sản đó
- Người đi thuê tăng được vốn lưu động; có tài sản sử dụng
- Tình huống: các công ty ở trong tình trạng tài chính khó khăn không thể vay vốn ngân hàng.

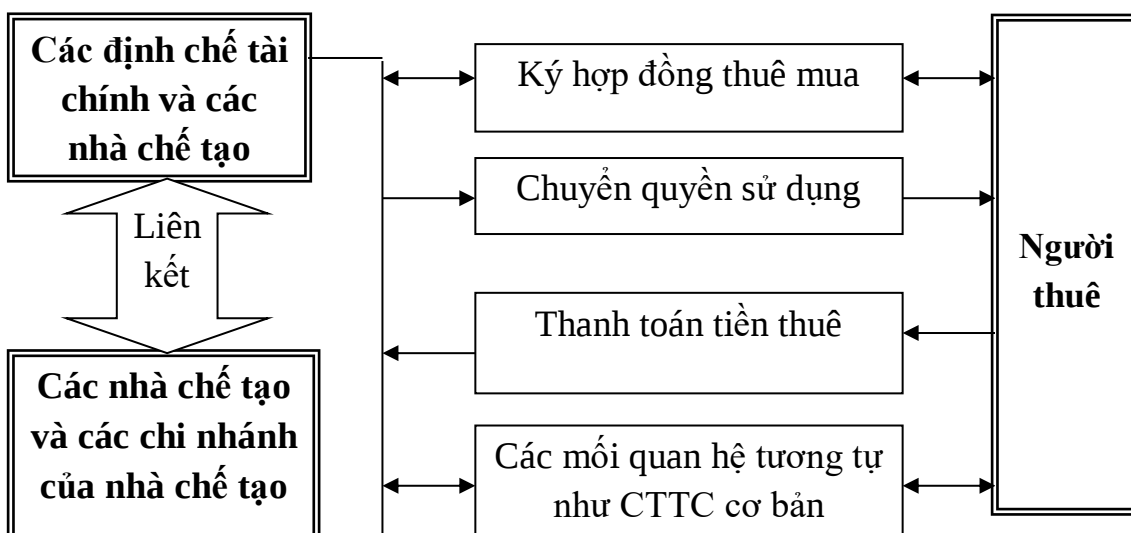
Quy trình CTTC



❖ Cho thuê tài chính liên kết:

- Là loại hình đồng tài trợ (*nhiều bên tài trợ cho một người thuê*).
- Tình huống: Tài sản cho thuê có giá trị $\gg$ khả năng tài trợ của một công ty cho thuê tài chính *hoặc* để phân tán rủi ro.
- Nhiều nhà chế tạo hợp tác để tài trợ cho bên thuê => liên kết theo chiều ngang
- Các định chế tài chính hay các nhà chế tạo giao tài sản cho các chi nhánh của họ thực hiện giao dịch tài trợ cho khách hàng thì hình thành liên kết theo chiều dọc.

Quy trình cho thuê:



❖ Cho thuê tài chính hợp tác

- Có 4 bên: Người đi thuê, Người cho thuê, Người cho vay và Nhà cung cấp thiết bị
- Cho thuê TC hợp tác là hoạt động cho thuê TC của một nhóm cty cho thuê TC đối với bên thuê, do một cty cho thuê TC làm đầu mối.

Điều kiện cho thuê tài chính hợp tác:

- Nhu cầu thuê TC của bên thuê vượt quá giới hạn cho thuê TC của 1 cty cho thuê TC (30%VTC của cty cho thuê tài chính đối với một KH và 80%VTC đối với một nhóm KH có liên quan).

- Khả năng TC, NV và TS của một cty cho thuê TC không đáp ứng được nhu cầu cho thuê TC; nhu cầu phân tán rủi ro của 1 cty cho thuê TC.

- Bên thuê có nhu cầu thuê TC từ nhiều cty cho thuê TC.

2.4.3. Các tài sản thuê

- Máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ.
- Phương tiện vận chuyển.
- Các động sản khác.

2.4.4. Điều kiện thuê tài chính

+ Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật

+ Có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phục vụ đời sống khả thi và hiệu quả.

+ Có khả năng tài chính đảm bảo thanh toán đầy đủ tiền thuê trong thời hạn đã cam kết.

+ Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền thuê tài chính.

+ Tại thời điểm thuê tài chính, bên thuê không còn nợ xấu nội bảng tại bất cứ tổ chức tín dụng nào, không còn nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn vốn dự phòng của bất kỳ tổ chức tín dụng nào đang hạch toán ngoại bảng.

+ Đáp ứng điều kiện đặt cọc tối thiểu bằng 20% tổng giá mua tài sản thuê.

+ Bên thuê phải gửi Báo cáo tài chính và các thông tin cần thiết theo yêu cầu của VietinbankLC.

+ Nếu bên thuê là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc thì phải có Văn bản ủy quyền của Người có thẩm quyền tại đơn vị chính.

2.4.5. Một số nội dung trong hợp đồng cho thuê tài chính

1) *Đối tượng cho thuê:*

Tất cả các tổ chức hoạt động, cá nhân sinh sống và làm việc tại Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho mục đích hoạt động của mình, gồm:

- + Cá nhân, hộ gia đình
- + Doanh nghiệp
- + Các tổ chức khác thuộc đối tượng vay của các tổ chức tín dụng.

2) Tài sản cho thuê:

- Phương tiện vận chuyển
- Máy móc, thiết bị thi công
- Dây chuyền sản xuất
- Thiết bị gắn liền với bất động sản
- Các động sản khác không bị pháp luật cấm.

3) Giá trị tài sản cho thuê: bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan để hình thành tài sản cho thuê.

4) Thời hạn cho thuê: tối đa không quá 10 năm. Với tài sản đã qua sử dụng, thời gian cho thuê không quá 5 năm.

5) Lãi suất cho thuê:

- Lãi suất cho thuê bằng Đồng Việt Nam áp dụng theo phương thức thả nổi.
- Lãi suất cho thuê bằng ngoại tệ thực hiện trên cơ sở lãi suất thị trường trong nước và quốc tế.

6) Hồ sơ thuê tài chính

- Bộ hồ sơ cho khách hàng Doanh nghiệp.
- Bộ hồ sơ cho khách hàng Cá nhân.

2.4.6. Quy trình cho thuê tài chính

Bước 1: Lập hồ sơ đề nghị tài trợ:

Bên cạnh những giấy tờ cần thiết cho hồ sơ tương tự như cho vay trung dài hạn, cần lưu ý trong hồ sơ bên đi thuê phải mô tả chi tiết:

- + Các thông số kỹ thuật liên quan đến TS
- + Giá TS
- + Nhà cung cấp

+ Cách thức chuyển giao TS của các bên liên quan

Bước 2: Phân tích tín dụng:

Bên cho thuê cần phân tích những nội dung sau:

- Phân tích khả năng thanh tài chính, khả năng thanh toán
- Thẩm định kĩ những yếu tố đc nêu trong hồ sơ (thông số kĩ thuật liên quan đến TS, Giá TS, Nhà cung cấp....)
- Đặc biệt:
 - + Trình độ máy móc thiết bị: lạc hậu hay tiên tiến => ảnh hưởng khả năng thanh toán của bên đi thuê và việc thu hồi vốn của bên cho thuê
 - + Giá cả tài sản: cao hay thấp hơn giá thị trường => ảnh hưởng lợi nhuận bên đi thuê và khả năng thanh toán tiền thuê
 - + Năng lực nhà cung cấp: bên cho thuê nếu xét thấy nhà cung cấp ko đủ khả năng cung cấp hàng theo đúng hợp đồng thì có thể yêu cầu bên đi thuê thay đổi nhằm cung cấp với đk tốt hơn
- Đối với những tài sản thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ phức tạp cần thẩm định kĩ:
 - Trách nhiệm về lắp đặt
 - Trách nhiệm về bàn giao tài sản
 - Đào tạo công nhân và chuyển giao công nghệ
 - Bảo hành, bảo dưỡng
- Bảo đảm trong giao dịch cho thuê:

Bảo đảm trong giao dịch cho thuê: Về nguyên tắc, trong giao dịch cho thuê không cần các biện pháp bảo đảm như thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh của bên thứ 3, vì bên cho thuê có được quyền thu hồi tài sản nếu bên đi thuê mất khả năng thanh toán. Tuy nhiên trong một số trường hợp đặc biệt bên cho thuê cũng có thể yêu cầu bên đi thuê phải có các biện pháp bảo đảm thích hợp.

Bước 3: Quyết định tài trợ

Sau khi phân tích tín dụng bên tài trợ sẽ quyết định có tài trợ hay không. Nếu quyết định tài trợ:

- Lập hợp đồng cho thuê giữa bên cho thuê và bên đi thuê
- Bên cho thuê ký hợp đồng mua tài sản thuê với nhà cung cấp.

Bước 4: Cho thuê (giải ngân)

- Nhà cung cấp giao tài sản thuê và lắp đặt cho bên đi thuê
- Bên cho thuê thanh toán tiền mua tài sản thuê với nhà cung cấp

Bước 5: Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản.

- Quy định trong hợp đồng: Bên đi thuê phải sử dụng và quản lý tài sản đúng quy trình kĩ thuật.
- Phương pháp giám sát: + Giám sát theo định kì
+ Kiểm tra đột suất

=> kết hợp cả 2 phương pháp

- Nội dung giám sát:
 - + Kiểm tra quy trình bảo dưỡng TS của bên đi thuê và việc đóng bảo hiểm của TS thuê.
 - + Kiểm tra môi trường vận hành TS và tình trạng hoạt động của TS => xem xét mức độ hư hỏng có nằm trong giới hạn cho phép ko
 - + Kiểm tra cường độ sử dụng TS => xem xét có sử dụng quá hạn mức tối đa quy định tron hợp đồng ko, nếu quá bên đi thuê sẽ bị phạt.
 - + Giám sát việc thanh toán tiền thuê và hiệu quả tài chính của việc sử dụng vốn.

Kết luận: Trên cơ sở giám sát thì bên cho thuê có thể hạn chế được rủi ro về tài sản và tín dụng khi bên đi thuê vi phạm hợp đồng

Bước 6: Xử lý tài sản khi chấm dứt hợp đồng cho thuê

- Cách thức xử lý tài sản khi chấm dứt hợp đồng cho thuê :
 - + Được thỏa thuận trước trong hợp đồng.
 - + Nếu không được thỏa thuận trước trong hợp đồng => kết thúc hợp đồng thuê, bên đi thuê trả lại tài sản

❖ Các cách xử lý:

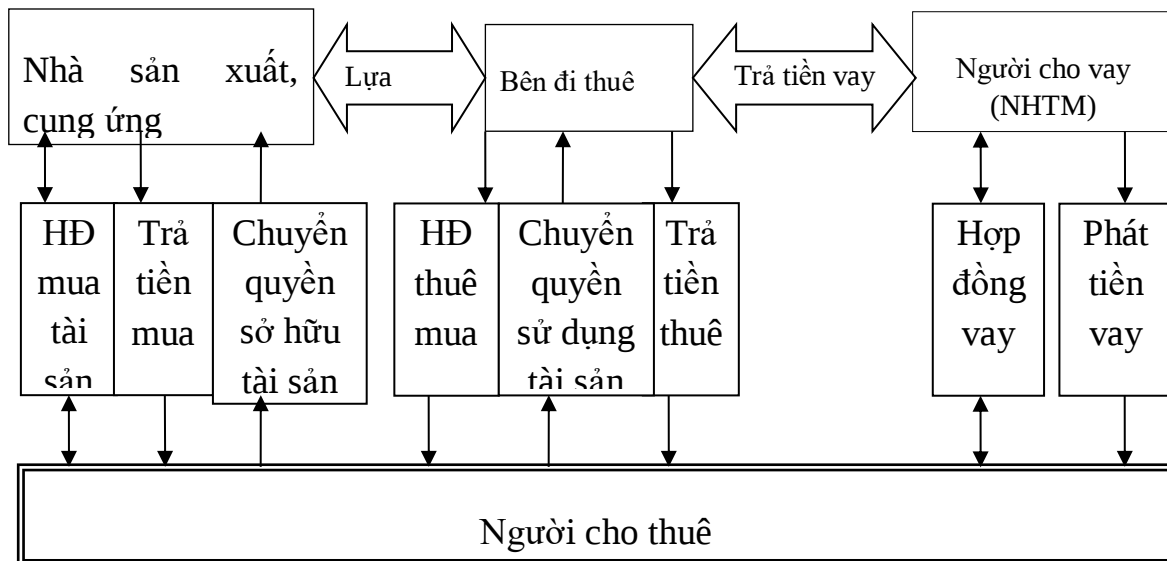
- + Bên đi thuê được chuyển giao quyền sở hữu tài sản:
 - o Áp dụng đối với những hợp đồng cho thuê thanh toán toàn bộ, khi đó kết thúc hợp đồng cho thuê bên cho thuê đã thu hồi đc toàn bộ vốn tài trợ và chi phí tài chính.
- + Bên đi thuê mua tài sản thuê:

- Áp dụng nếu hợp đồng quy định bên đi thuê đc quyền mua TS khi kết thúc hợp đồng.
- Đây là cam kết đơn phương nên bên đi thuê đc quyền lựa chọn mua hoặc không.
- Một số trường hợp ngoại lệ bên cho thuê có thể từ chối bán.
- Giá bán đc tính trên cơ sở hiện giá.(bên cho thuê bán theo vốn gốc kòn lại phải thu hồi)

+ Cho thuê tiếp:

- Được thỏa thuận trước trong hợp đồng
 - Nội dung thỏa thuận:
 - Điều khoản về giá thuê
 - Cơ sở tính tiền thuê. Thông thường tiền thuê trong thời hạn gia hạn thấp hơn so với tiền thuê trước.
- + Trả lại tài sản:
- Áp dụng trong 2 trường hợp :
 - Hợp đồng không có điều kiện thỏa thuận cách thức xử lý TS.
 - Hợp đồng quy định quyền chọn mua hoặc thuê tiếp nhưng bên đi thuê từ chối.
 - Bên cho thuê được quyền định đoạt tài sản theo các cách:
 - Bên cho thuê thu hồi tài sản để tự xử lý.
 - Ủy quyền cho bên đi thuê bán tài sản: thỏa thuận trong hợp đồng hoặc bằng 1 giấy ủy quyền riêng.
 - Kí gửi tài sản bên đi thuê để tìm người mua, người.

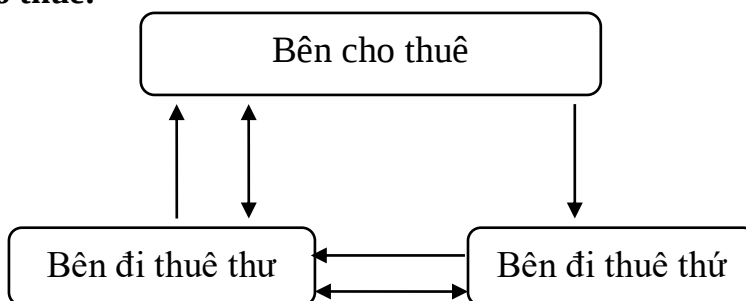
Quy trình cho thuê:



❖ Cho thuê tài chính gián tiếp

- Là loại hình mà trong đó được sự đồng ý của người cho thuê, người đi thuê thứ nhất cho người thuê thứ hai thuê lại tài sản mà người thuê thứ nhất đã thuê
- Với phương thức này, mặc dù doanh nghiệp không đủ điều kiện để trực tiếp thuê với bên cho thuê, vẫn thuê được tài sản để sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

Quy trình cho thuê:



❖ Cho thuê trả góp:

- Đây là hình thức kết hợp cho thuê và bán trả góp
- Người bán chuyển giao tài sản và giữ lại sở hữu tài sản đó trong một khoản thời gian nhất định